

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM

UBND HUYỆN NHÀ BÈ

ĐẾN Số:.....
Ngày: 11/7/2023

Chuyên:.....

Số và ký hiệu HS:.....

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

ĐẾN Số:.....
Ngày: 11-07-2023

Chuyên:.....

Số và ký hiệu HS:.....

KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC
TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM

ĐỊA CHỈ: LÔ C21 VÀ LÔ C18-C24, KCN HIỆP PHƯỚC, XÃ
HIỆP PHƯỚC, HUYỆN NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

UBND XÃ HIỆP PHƯỚC

ĐẾN Số:.....
Ngày: 11/7/2023


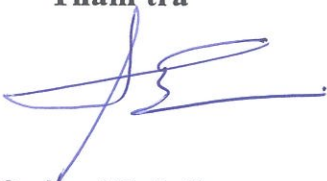

Chuyên:.....

TP. HCM, tháng 07 năm 2023

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM



KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM

 Phê duyệt Nguyễn Văn Sơn Em Giám đốc Nhà máy	Thẩm tra  Quảng Đình Sơn Trưởng phòng sản xuất cấp cao	Ban hành  Huỳnh Anh Bảo Chuyên viên thí nghiệm cấp cao	
Phạm vi ban hành	Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM		
Lần ban hành	Ngày ban hành	Người thực hiện	Ghi chú
00	10/11/2022	Tất cả các bộ phận trong nhà máy	Ban hành lần đầu
01	10/07/2023	Tất cả các bộ phận trong nhà máy	Bổ sung ứng phó sự cố chất thải

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	3
1. Giới thiệu	3
2. Tính cần thiết phải lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường	3
3. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường.....	3
CHƯƠNG I: MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN	5
1.1. Quy mô đầu tư, sản xuất, kinh doanh	5
1.2. Công nghệ sản xuất.....	6
CHƯƠNG II: KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG CẤP CƠ SỞ	9
2.1. Xác định và đánh giá các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường:.....	9
2.2. Kịch bản/biện pháp tổ chức ứng phó sự cố môi trường.....	16
2.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	27
CHƯƠNG III: KẾT LUẬN	33

MỞ ĐẦU

1. Giới thiệu

- Tên doanh nghiệp: **Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TP.HCM** (Sau đây gọi tắt là “Calofic Hiệp Phước”)
- Địa điểm hoạt động: Lô C21 và Lô C18-C24, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại : 028. 37818806 Fax: 028. 37818802
- Người đại diện pháp luật: Ông **Vũ Văn Phú** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
- Calofic Hiệp Phước được Ban Quản lý các KCX & CN Tp. HCM (Hepza) cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4316158428 cấp lần đầu ngày 16/07/2012, cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 04/04/2022.
- Calofic Hiệp Phước là chi nhánh thuộc Công ty TNHH Calofic, liên doanh giữa Tổng Công ty Công Nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex, trực thuộc Bộ Công thương) và Tập đoàn Wilmar, Singapore, là một trong những Công ty liên doanh hàng đầu đã đặt nền móng cho ngành công nghiệp sản xuất và chế biến dầu thực vật tại Việt Nam. Calofic có trụ sở phòng chính đặt tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (gọi tắt là Calofic Quảng Ninh) và 03 văn phòng chi nhánh tại quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; huyện Nhà Bè và Quận 1, TP.HCM. Hai nhà máy sản xuất của Calofic được đặt tại Khu công nghiệp (KCN) Cái Lân, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP.HCM.
- Calofic Hiệp Phước đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nâng công suất tinh luyện dầu thực vật từ 292.000 tấn sản phẩm/năm lên 365.000 tấn sản phẩm/năm” số 1224/QĐ-BTNMT ngày 17/05/2019.

2. Tính cần thiết phải lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường là tài liệu xác định các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường, dự kiến kịch bản xảy ra sự cố môi trường kèm theo các phương án ứng phó tương ứng để bảo đảm sẵn sàng, kịp thời ứng phó khi sự cố môi trường xảy ra trên thực tế.

3. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Calofic Hiệp Phước được lập trên cơ sở căn cứ những quy định sau:

Stt	Tên văn bản	Hiệu lực thi hành
1	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	01/01/2022
2	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	10/1/2022
3	Thông tư 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	10/1/2022

Stt	Tên văn bản	Hiệu lực thi hành
4	Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 23/2/2023 Ban hành kế hoạch ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023 -2030	23/2/2023

CHƯƠNG I

MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

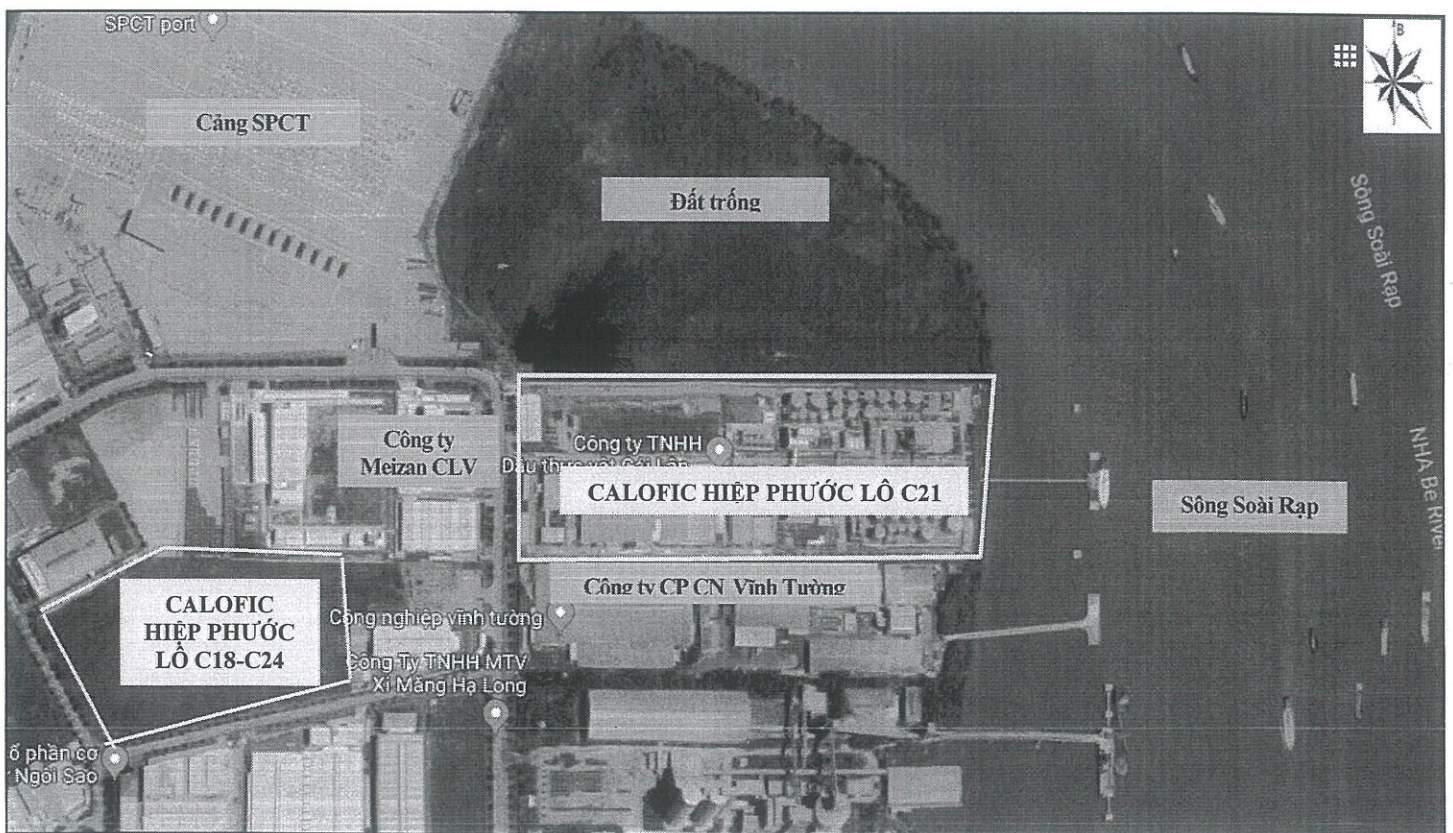
1.1. Quy mô đầu tư, sản xuất, kinh doanh

Calofic Hiệp Phước có địa chỉ tại: Lô C21 và Lô C18 – C24 KCN Hiệp Phước, X. Hiệp Phước, H. Nhà Bè, Tp. HCM

Công ty có vị trí địa lý như sau:

- Phía Đông: Giáp với sông Soài Rạp;
- Phía Tây: Giáp với Công ty TNHH Meizan CLV (MCC) và Công ty Nhựa GBP;
- Phía Nam: Giáp với Công ty Cổ phần CN Vĩnh Tường;
- Phía Bắc: Giáp đất trống, tiếp đến là cảng SPCT.

Sơ đồ vị trí hiện trạng của Calofic Hiệp Phước trong hình sau:

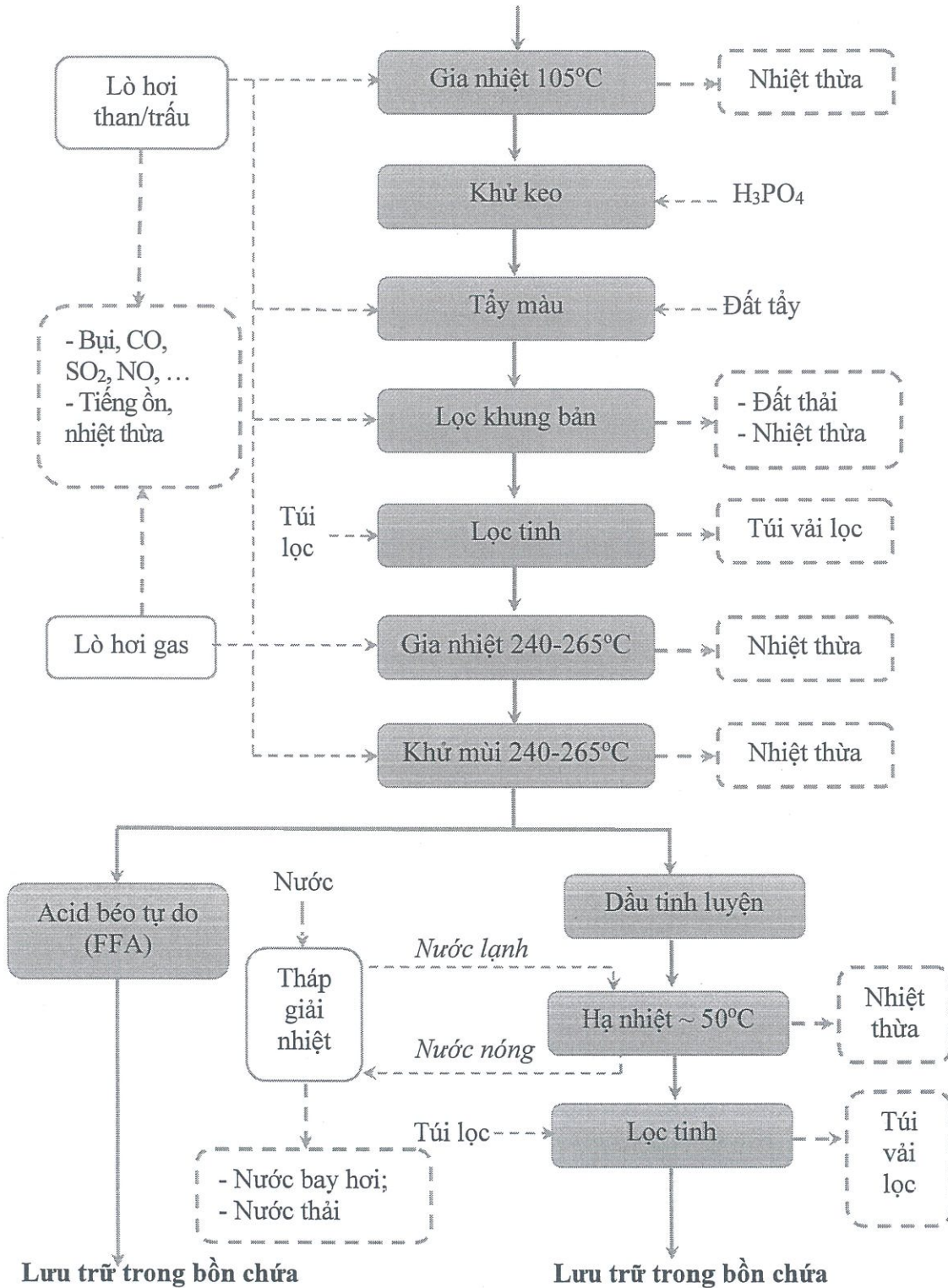


- Công suất dự án: Tinh luyện dầu thực vật với công suất 365.000 tấn sản phẩm/năm.
- Diện tích: Tổng diện tích nhà máy 131.690,6 m² (Trong đó: Lô 21 có diện 84.982,7 m²; Lô C18-C24 có diện tích 46.707,9 m²).

1.2. Công nghệ sản xuất

Sơ đồ quy trình tinh luyện dầu thực vật được trình bày trong hình sau đây:

Dầu đậu nành, dầu gạo, dầu cọ và các sản phẩm từ dầu cọ



Thuyết minh quy trình

Quy trình tinh luyện này được thiết kế để tinh luyện dầu cọ thô và các dầu khác theo từng mẻ với thiết kế đặc biệt hệ thống có khả năng linh hoạt thay đổi nhiều loại dầu và hạn chế tối đa sự lẫn dầu trong quá trình thay đổi. Quy trình bao gồm các bước như sau:

Tiền xử lý (khử gum):

Dầu được bơm từ bồn bể qua 2 trao đổi nhiệt nối tiếp nhau (1 trao đổi nhiệt với dầu nóng và 1 trao đổi nhiệt với hơi bão hòa) để sấy dầu lên khoảng 105°C nhằm tách ẩm trước khi qua quá trình khử keo. Tại bể phản ứng, acid thực phẩm H_3PO_4 được bơm vào thông qua bơm định lượng (khoảng 0,01 – 0,05%), được trộn đều với dầu bằng máy khuấy tốc độ cao nhằm phản ứng loại bỏ các tạp chất keo hòa tan trong dầu. Sau đó hỗn hợp dầu tiếp tục được đưa qua công đoạn tẩy màu/lọc.

Công đoạn tẩy màu:

- Dầu sau khử gum từ giai đoạn tiền xử lý được bơm tự động vào bồn tẩy màu dưới điều kiện áp suất chân không.
- Tại hệ thống tẩy màu, đất tẩy và than hoạt tính (nếu cần thiết) được cho vào từ hệ thống bằng hai thiết bị trộn liều lượng theo một tỷ lệ nhất định đã được cài đặt. Hỗn hợp dầu và đất tẩy được khuấy trộn đều để phản ứng diễn ra nhanh và hiệu quả hơn thông qua cánh khuấy và hơi nước sục trực tiếp. Các chất màu và kim loại trong dầu được hấp thụ trong đất tẩy.
- Sau thời gian tẩy màu, hỗn hợp dầu/đất tẩy tiếp tục được chuyển tới bồn trung gian, bồn này có áp suất chân không nhằm loại nước, đồng thời cũng là bồn dự trữ phục vụ cho hệ thống lọc để loại bỏ đất tẩy/than hoạt tính.

Lọc:

- Tại đây, đất (đã hấp thụ màu/kim loại...) được giữ lại tại các tấm lọc và sau đó xả xuống dưới nhà đất thải bên dưới. Dầu qua lỗ lọc và di chuyển về hệ thống lọc tinh kế tiếp để đảm bảo đất được loại bỏ hoàn toàn.
- Dầu sau tẩy màu được giữ lại trong một bình chứa dầu đã tẩy màu, bồn này hoạt động trong môi trường chân không (hệ thống có 2 bộ lọc làm việc luân phiên).

Khử mùi:

- Từ bồn chứa sau khi lọc, dầu được bơm liên tục tự động lên hệ thống khử mùi. Khối lượng mỗi mẻ được nạp vào bồn định lượng trên nóc của hệ thống khử mùi theo chu kỳ đều đặn được cài đặt theo mỗi chu trình.
- Dầu tại đây được trao đổi nhiệt với dầu ra và được gia nhiệt bằng hơi nước. Nhiệt độ cuối cùng sau khi gia nhiệt đạt 240°C - 265°C. Với điều kiện chân không, nhiệt độ cao và sục hơi nước các cấu tử dễ bay hơi (như: ketones, aldehydes, FFA, di-

glyceride/mono-glyceride...) và phân hủy các cấu tử không bền nhiệt (hợp chất màu...) sẽ được loại ra ngoài.

- Tại bình khử mùi này, các acid béo tự do (FFA) sẽ bay hơi và được thu gom. FFA sau đó được bơm ra ở bể chứa khu vực bồn bể. Với thiết kế 3 ngăn của tháp, 1 chu trình thường mất khoảng 60 phút để hoàn thành.
- Đối với dầu tinh luyện, dầu này được hạ nhiệt bằng cách trao đổi nhiệt với dầu sau tẩy màu, sau đó qua trao đổi nhiệt với dầu vào ban đầu và nước làm mát để đạt khoảng 50 °C rồi bơm qua lọc tinh lần nữa trước khi ra ngoài bể chứa.

CHƯƠNG II

KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG CẤP CƠ SỞ

2.1. Xác định và đánh giá các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường:

Danh sách nguy cơ sự cố môi trường có thể xảy ra được trình bày ở bảng dưới:

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Vị trí	Phân cấp sự cố	Ước lượng chất ô nhiễm	Đánh giá sơ bộ tác động với môi trường
1	Bể chứa nước thải bị bục vỡ tường làm tràn nước thải ra ngoài	-Kết cấu bê tông bị hỏng trong quá trình sử dụng. -Chứa nước thải có pH thấp làm ăn mòn vách bê tông của bể chứa sau thời gian sử dụng.	Trạm nước thải công suất 200 m ³ /ngày	< 500 m ³ : Trong tầm kiểm soát cơ sở. ≥ 500 m ³ ngoài tầm kiểm soát cơ sở.	Khoảng 50 - 1000 m ³	-Môi trường đất: Ảnh hưởng đến môi trường đất khu vực, nước thải nhiễm vào các bãi cỏ xung quanh. -Môi trường nước: Tác động đến hệ thống thoát nước mưa của nhà máy (đã trang bị 2 van khóa nước mưa trước khi thải ra môi trường). Tuy nhiên mương thoát nước mưa khu vực không đủ sức chứa, nước thải sẽ tràn vào hệ thoát nước mưa KCN Hiệp Phước (sức chứa trong mương thoát nước mưa khoảng 500 m ³) -Môi trường không khí: Mùi hôi phát tán vào không khí (tuy nhiên khu vực không tiếp giáp với các doanh nghiệp

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Vị trí	Phân cấp sự cố	Ước lượng chất ô nhiễm	Đánh giá sơ bộ tác động với môi trường
2	Tràn nước thải từ bể gom 1 trạm xử lý nước thải 200 m ³ /ngày	<ul style="list-style-type: none"> -Bơm nước thải bể gom (bể nước thải chưa xử lý) bị hư hỏng hoặc kẹt vật cứng, vận hành không kiểm soát. -Nhân viên vận hành quên xả nước thải sau xử lý, làm tràn nước thải. 	Trạm xử lý nước thải	<p>Trong phạm vi cơ sở.</p> <p>Trong tầm kiểm soát của cơ sở</p>	Khoảng 3 m ³ nước thải	<ul style="list-style-type: none"> -Môi trường đất: Nước thải thấm 1 phần vào đất (bãi cỏ). -Môi trường nước: Nhiễm vào hệ thống thoát nước mưa xung quanh trạm nước thải. -Môi trường không khí: Không ảnh hưởng. -Con người và sinh vật: Không ảnh hưởng đến con người nhưng ảnh hưởng đến hệ thực vật (bãi cỏ) xung quanh trạm nước thải.
3	Bể vi sinh trạm xử lý nước thải 200 m ³ /ngày bị sự cố, nước thải sau xử lý	Máy thổi khí cho bể vi sinh bị hỏng đột ngột không thể hoạt động	Trạm xử lý nước thải	<p>Trong phạm vi cơ sở.</p> <p>Trong tầm</p>	200 m ³ /ngày	<ul style="list-style-type: none"> -Hệ vi sinh trong bể vi sinh bị ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý do không được sục khí. -Nước thải sau xử lý không đạt tiêu

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Vị trí	Phân cấp sự cố	Ước lượng chất ô nhiễm	Đánh giá sơ bộ tác động với môi trường
	không đạt tiêu chuẩn xả thải			kiểm soát của cơ sở		chuẩn KCN Hiệp Phước.
4	Tràn nước thải vào hệ thống thoát nước mưa	<ul style="list-style-type: none"> -Bom tại hố gom nước thải bị nghẹt, hư hỏng. -Xả nước mưa từ khu bồn bể không được kiểm soát. -Rò nước thải từ đường ống dẫn nước thải, do bị ăn mòn, bứt khớp nối... 	Các hố gom và đường ống dẫn nước thải tại các bộ phận	<p>Trong phạm vi cơ sở.</p> <p>Trong tầm kiểm soát của cơ sở</p>	<p>Khoảng 1 - 10 m³ nước thải</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Môi trường đất: Không ảnh hưởng (hệ thống thoát nước mưa được bê tông hóa kiên cố, không rò vào đất). -Môi trường nước: Rủi ro nước thải thoát ra môi trường không qua xử lý. -Môi trường không khí: Không ảnh hưởng. -Con người và sinh vật: Tác động không đáng kể.
5	Khí thải lò hơi đốt than/trấu không đạt Quy chuẩn xả thải	<ul style="list-style-type: none"> -Do hệ thống túi lọc bụi có túi bị hỏng. -Do bơm nước phun dung dịch tại tháp hấp thụ bị kẹt, lỗi không hoạt động. 	Phân xưởng lò hơi than/trấu	Trong tầm kiểm soát của cơ sở	Khoảng 24.000 m ³ /h	<ul style="list-style-type: none"> -Môi trường đất: Không ảnh hưởng. -Môi trường nước: Không ảnh hưởng. -Môi trường không khí: Có tác động tới môi trường không khí. -Con người và sinh vật: Tác động không đáng kể.
6	Tràn dầu nhiên	- Va chạm giữa tàu với	Cầu	Cấp cơ sở/	Khoảng 1 -	-Môi trường đất: Có khả năng nhiễm dầu

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Vị trí	Phân cấp sự cố	Ước lượng chất ô nhiễm	Đánh giá sơ bộ tác động với môi trường
7	liệu/hoặc dầu thực vật từ tàu trong khi nhập hàng tại bến cảng Calofic Hiệp Phước	<p>cầu cảng, các phương tiện giao thông trên luồng va chạm tàu đang neo đậu làm tràn dầu.</p> <p>-Đứt dây neo là bứt ống đầu nối dầu thực vật.</p> <p>-Dầu nhiên liệu từ các cảng lân cận tràn sang do có sự cố tràn dầu.</p>	cảng Calofic Hiệp Phước	Cấp khu vực/ Cấp quốc gia. Tùy vào lượng dầu tràn và khả năng ứng phó tại chỗ	680 tấn dầu nhiên liệu DO. Khoảng 1 – 5 tấn dầu thực vật.	<p>đọc theo đường bờ sông Soài Rạp.</p> <p>-Môi trường không khí: Không ảnh hưởng.</p> <p>-Môi trường nước: Ảnh hưởng vùng nước mặt xung quanh khu vực cầu cảng.</p> <p>-Con người và sinh vật: Khả năng ảnh hưởng đến hệ sinh thái (tôm, cua, cá, ốc, thực vật ven bờ...) khu vực cảng.</p>
	Trần đổ chất thải lỏng (hóa chất/ nhớt thải) tại kho chứa rác thải nguy hại	<p>-Xe nâng: Nâng hạ các phi/can chứa hóa chất hoặc nhớt làm rơi đổ xuống nền đường, dẫn đến bụi nắp làm tràn đổ ra ngoài.</p> <p>-Khi nhập chất thải (hóa chất/ nhớt) vào kho làm ngã đổ phi/can chứa làm tràn đổ.</p>	Kho rác thải nguy hại	Trong tầm kiểm soát của cơ sở	Khoảng 1- 150 lit	<p>-Môi trường đất: Không ảnh hưởng (khu vực đã được bê tông hóa).</p> <p>-Môi trường nước: Tràn vào hệ thống thoát nước mưa khu vực</p> <p>-Môi trường không khí: Hơi hóa chất độc phát tán đối với tràn đổ hóa chất thải.</p> <p>-Con người và sinh vật: Tác động đến đường thở và tiếp xúc trực tiếp khi có tràn đổ hóa chất.</p>

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Vị trí	Phân cấp sự cố	Ước lượng chất ô nhiễm	Đánh giá sơ bộ tác động với môi trường
8	Tràn đổ đất thải (chất thải công nghiệp thông thường) ra khỏi kho chứa tại các phân xưởng tinh luyện	-Đơn vị thu gom chất thải không thu gom đúng lịch, làm đầy kho đất thải. -Sự cố hệ thống sản xuất xả đất thải với khối lượng vượt mức chứa của kho.	Kho chứa đất thải tại RF1, RF2, RF3.	Trong tầm kiểm soát của cơ sở	Khoảng 0,5 – 3 m ³	-Môi trường đất: Không ảnh hưởng (khu vực đã được bê tông hóa). -Môi trường nước: Tràn vào hệ thống thoát nước mưa khu vực (khi có mưa) -Môi trường không khí: Không ảnh hưởng. -Con người và sinh vật: Tác động không đáng kể.
9	Bùn từ kho chứa của trạm xử lý nước thải vượt sức chứa container lưu chứa trong kho.	-Đơn vị thu gom bùn thải không thu gom đúng hạn. -Nhu cầu ép xả bùn lớn đột xuất, vượt sức chứa của container chứa.	Trạm xử lý nước thải	Trong tầm kiểm soát của cơ sở	Khoảng 1 – 5 m ³	-Môi trường đất: Không ảnh hưởng (khu vực đã được bê tông hóa). -Môi trường nước: Tràn vào hệ thống thoát nước mưa khu vực -Môi trường không khí: Không ảnh hưởng. -Con người và sinh vật: Tác động không đáng kể.
10	Sự cố cháy kho rác thải nguy hại/ Kho	-Nguyên nhân do hành vi con người: Hút thuốc	Kho rác nguy	Trong tầm kiểm soát	Khoảng	-Môi trường đất: Tro bụi bay rơi vào môi trường đất khu vực.

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Vị trí	Phân cấp sự cố	Ước lượng chất ô nhiễm	Đánh giá sơ bộ tác động với môi trường
	rác công nghiệp thông thường	không đúng nơi quy định, hàn cắt gần khu vực kho rác, phá hoại, ... -Nguyên nhân do tự nhiên: Sấm sét, do nhiệt độ nắng nóng quá mức.	hại. Kho rác công nghiệp.	của cơ sở	2 tấn chất thải	-Môi trường nước: Nước dập dề chữa cháy lòi cuốn vật liệu cháy vào hệ thống thoát nước mưa. -Môi trường không khí: Khói thải mang theo khí độc tác động đáng kể cho môi trường không khí. -Con người và sinh vật: Tác động đáng kể đến con người và sinh vật khu vực lân cận (kể cả các công ty lân cận).
11	Tràn dầu thực vật từ khu vực bồn bể	-Nắp mainhouse (cửa mở dưới/trên của bồn bể) bị bung nắp. -Dầu bị tràn bể do không kiểm soát.	Khu bồn bể PH, CPP.	Trong tầm kiểm soát của cơ sở	20 – 3000 tấn	-Môi trường đất: Không ảnh hưởng (do đã được xây dựng tường bao xung quanh, bê tông hóa nền, đảm bảo đủ sức chứa lượng tràn 1 bể lớn nhất trong khu vực bồn bể). -Môi trường nước: Không ảnh hưởng (khu tường bao có kiểm soát van xả nước mưa, đóng mở luôn được kiểm soát) -Môi trường không khí: Không ảnh hưởng.

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Vị trí	Phân cấp sự cố	Ước lượng chất ô nhiễm	Đánh giá sơ bộ tác động với môi trường
12	Sự cố tràn đổ hóa chất (H_2SO_4 , NaOH, Vôi, ...)	Công ty đã lập Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất kèm theo Quyết định ban hành số 738-2023/CLFHP ngày 24/5/2023 Về việc phê duyệt Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất của Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước.				-Con người và sinh vật: Tác động không đáng kể.
13	Sự cố cháy	Phương án chữa cháy của cơ sở ngày 17/02/2022 đã được phê duyệt bởi Công an huyện Nhà Bè.				

2.2. Kịch bản/biện pháp tổ chức ứng phó sự cố môi trường

2.2.1. Tình huống 1: Bể chứa nước thải bị bực vỡ tường làm tràn nước thải ra ngoài, lượng tràn ước tính 50 - 1000 m³ có nhiễm vào hệ thống thoát nước mưa KCN Hiệp Phước.

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1	Phát hiện sự cố	- Nhân viên/nhà thầu làm việc tại Nhà máy phát hiện sự cố.	-
2	Thông báo/ Báo động	Thông báo cho trưởng bộ phận ETP (bằng bộ đàm hoặc điện thoại) hoặc bộ phận EHS. Trưởng bộ phận ETP hoặc EHS báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường về sự cố ngay lập tức.	Người phát hiện sự cố. Trưởng bộ phận ETP.
3	Đánh giá thực trạng và thông báo bên ngoài	Lượng tràn <500 m ³ : Báo bộ phận EHS khóa van tổng xả nước mưa, tiến hành xử lý sự cố. Lượng tràn ≥ 500 m ³ : Báo bộ phận EHS khóa van tổng xả nước mưa, đồng thời báo cho phòng môi trường KCN Hiệp Phước (khả năng nước thải tràn vào hệ thống thoát nước mưa của KCN), sau đó tiến hành xử lý sự cố. Liên hệ Trạm xử lý nước thải KCN Hiệp Phước tiếp nhận nước thải chưa xử lý. Các bộ phận sản xuất phát sinh nước thải, tạm ngưng hoạt động hoặc chứa nước thải tạm vào các bể gom tại bộ phận. Liên hệ Công ty Nam Dương và Công ty MCC tạm thời ngưng tiếp nhận nước thải (các công ty liên hệ đầu nối nước thải về KCN Hiệp Phước).	Giám đốc Nhà máy. Bộ phận môi trường. Trưởng bộ phận ETP.
4	Xử lý sự cố	Lượng tràn <500 m ³ (trong tầm kiểm soát của Cơ sở): Dùng bơm chìm và bơm khí nén bơm vào Bể sau xử lý để xả về KCN (sau khi đã được thỏa thuận với KCN) hoặc bơm vào các bể chứa còn lại của hệ thống xử lý nước thải. Vệ sinh mương thoát nước mưa và bãi cỏ khu vực. Lượng tràn ≥ 500 m ³ (ngoài tầm kiểm soát của Cơ sở): Dùng bơm chìm và bơm khí nén bơm vào Bể sau xử lý để xả về KCN (sau khi đã được thỏa thuận với KCN) hoặc bơm vào các bể chứa còn lại của hệ thống xử lý nước thải. Kết hợp cùng KCN kiểm tra hệ thống thoát nước mưa KCN ngăn chặn và thu gom nước thải đã tràn (nếu có). Vệ sinh mương thoát nước mưa và bãi cỏ khu vực.	Giám đốc Nhà máy. Bộ phận môi trường. Trưởng bộ phận ETP.
5	Sửa chữa/Quan trắc môi trường	Thi công lại bể nước thải bị hỏng. Quan trắc môi trường đất khu vực tràn đổ sau khi vệ sinh và cải tạo đất. Vận hành lại hệ thống xử lý.	Bộ phận môi trường. Trưởng bộ phận ETP.
6	Báo cáo khắc phục Lưu hồ sơ	Báo cáo kết thúc sự cố, đưa ra các biện pháp phòng ngừa và điều chỉnh phương án ứng phó (nếu có). Bộ phận môi trường lưu hồ sơ.	Bộ phận môi trường


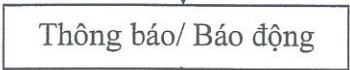
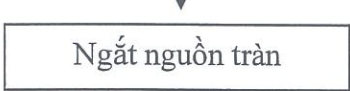
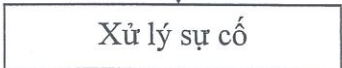
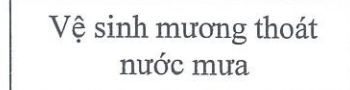
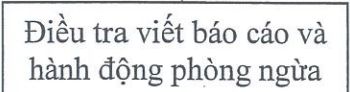

2.2.2. Tình huống 2: Bể vi sinh trạm xử lý nước thải 200 m³/ngày bị sự cố do máy thổi khí bị hỏng, nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn xả thải

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		Giả định: Vận hành phát hiện máy thổi khí bị hỏng (máy phát ra tiếng động lớn bất thường, bể vi sinh không sục khí, ...)	Vận hành ETP, ...
2		Vận hành tắt máy thổi khí. Thông báo cho trưởng bộ phận ETP (bằng bộ đàm hoặc điện thoại). Trưởng bộ phận ETP thông báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường về sự cố, đồng thời báo bộ phận bảo trì kiểm tra sửa chữa.	Nhân viên vận hành Trưởng bộ phận ETP
3		Kiểm tra đánh giá tình trạng hư hỏng và đưa ra thời gian hoàn thành khắc phục cho máy hoạt động trở lại. Trường hợp thời gian xử lý nhỏ hơn 24h: Bộ phận WS tiến hành sửa chữa và vận hành hệ thống trở lại. Trường hợp lớn hơn 24h phải thông báo cho KCN Hiệp Phước để có phương án thu gom xử lý.	Bộ phận bảo trì
4		Thỏa thuận với KCN Hiệp Phước thu gom nước thải sau xử lý hóa lý, có nồng độ ô nhiễm cao hơn bình thường (Keo tụ tạo bông -> lắng -> Bể tuyển nổi -> Bể sau xử lý -> KCN Hiệp Phước).	Bộ phận môi trường
5		Dùng bơm bằng khí nén bơm nước thải sau công đoạn ở bể Tuyển nổi 2 về hồ nước thải sau xử lý và xả ra hệ thống tiếp nhận nước thải của KCN Hiệp Phước đã thỏa thuận.	Vận hành ETP
6		Vận hành máy thổi khí trở lại, đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định. Sục khí vào bể vi sinh tối thiểu 2h để hệ vi sinh ổn định phục hồi.	Bộ phận WS
7		Ngày đầu: Tiếp nhận 50% lượng nước thải sau xử lý hóa lý vào bể vi sinh, 50% còn lại bơm về KCN Hiệp Phước. Ngày tiếp theo: Tiếp nhận 100%.	Vận hành ETP
8		Phân tích chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đạt Tiêu chuẩn xả thải KCN Hiệp Phước (pH, COD, TSS, Tổng P, Clorua)	Bộ phận thí nghiệm
9		Căn cứ theo kết quả phân tích của phòng thí nghiệm và kiểm tra hiện trạng máy thổi khí sau sửa chữa, đã vận hành ổn định. Bộ phận môi trường thông báo cho KCN kết thúc sự cố.	Bộ phận môi trường
10		Báo cáo kết thúc sự cố, đưa ra các biện pháp phòng ngừa (bảo trì thiết bị định kỳ, trang bị đầy đủ các vật tư thay thế...) Bộ phận môi trường lưu hồ sơ.	Bộ phận môi trường

2.2.3. Tình huống 3: Tràn nước thải từ bể gom 1 trạm xử lý nước thải 200 m³/ngày, do máy bơm nước thải bị hỏng, nhân viên vận hành không kiểm tra trong ca trực.

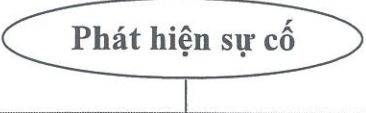
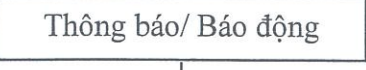
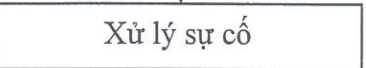
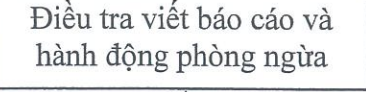

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1	Phát hiện sự cố	Giả định: Phát hiện có nước thải tràn từ bể gom 1 ra bên ngoài, nguyên nhân do máy bơm bể gom không hoạt động, không phát hiện kịp thời.	Vận hành ETP, ...
2	Thông báo/ Báo động	Vận hành tắt máy bơm. Thông báo cho trưởng bộ phận ETP (bộ đàm hoặc điện thoại). Trưởng bộ phận ETP thông báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường về sự cố, đồng thời thông báo cho trưởng bộ phận tinh chế và Công ty NDFC và MCC tạm thời không bơm nước thải về trạm ETP. Thông báo cho bộ phận An ninh khóa van xả nước mưa.	Nhân viên vận hành Trưởng bộ phận ETP
3	Ngắt nguồn tràn và thay thế bơm	Ngắt nguồn tràn: Dùng bơm khí nén bơm sang nước thải từ bể gom 1 sang bể gom 2 để chứa (đảm bảo ngắt được nguồn tràn). Sử dụng bơm dự phòng (có sẵn tại ETP) thay thế. Vận hành lại hệ thống xử lý nước theo quy đúng quy trình hướng dẫn.	Nhân viên vận hành. Bộ phận bảo trì.
4	Xử lý sự cố	<i>Thu gom nước thải tràn đổ:</i> Dùng bơm khí nén hút nước thải đã tràn đổ lên bể gom 2; Sử dụng xô nhựa và ki xúc rác thu gom nước thải ở những vị trí không bơm được. <i>Thu gom nước thải nhiễm trong mương thoát nước mưa (nếu có):</i> Phía đầu công nhà máy có thiết kế sẵn vị trí đầu nối bơm nước mưa về bể gom 2 của trạm ETP 200 m ³ /ngày. Bộ phận ETP sử dụng bơm chìm và ống mềm kết nối bơm về ETP để xử lý.	Bộ phận môi trường. Trưởng bộ phận ETP.
5	Thu gom chất thải & Phục hồi môi trường đất	Nước thải tràn từ bể gom 1 có hàm lượng dầu thực vật cao, thảm cỏ và môi trường đất sẽ bị ảnh hưởng khi bị nhiễm. Thu gom cỏ và lớp đất mặt về thùng chứa rác công nghiệp thông thường. Tiến hành bổ sung đất sạch, cải tạo lại đất và trồng cỏ lại.	Bộ phận ETP Bộ phận Admin
6	Điều tra viết báo cáo và hành động phòng ngừa	Bộ phận môi trường kết hợp cùng Trưởng bộ phận ETP điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại.	Bộ phận môi trường. Trưởng bộ phận ETP
7	Lưu hồ sơ	Bộ phận môi trường lưu hồ sơ	Bộ phận môi trường

2.2.4. Tình huống 4: Kiểm tra trước khi xả nước mưa, có phát hiện nước thải nhiễm trong hệ thống thoát nước mưa.

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		Giả định: Bộ phận An ninh vận hành van xả nước mưa, phát hiện hệ thống thoát nước mưa có nhiễm nước thải (như nước có màu: Trắng, đục, có váng dầu...)	Bộ phận An ninh, ...
2		Nhân viên vận hành xả van nước mưa thông báo cho trưởng bộ phận EHS. Trưởng bộ phận EHS đánh giá thông tin và thông báo cho Giám đốc Nhà máy và bộ phận môi trường.	Bộ phận An ninh
3		Điều tra nguồn tràn tại bộ phận nào, nguyên nhân sự cố, tiến hành ngắt nguồn tràn (tùy vào từng nguyên nhân sẽ xử lý đảm bảo không tiếp tục để xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa).	Bộ phận môi trường. Bộ phận gây sự cố.
4		Tại 2 van xả nước mưa đầu nối với KCN Hiệp Phước, đã thiết kế sẵn họng tiếp nhận nước thải dẫn về trạm ETP để xử lý. Bộ phận An ninh sử dụng bơm chìm và ống mềm vận hành bơm cho đến khi hết lượng nước thải. Hoặc dùng bơm khí nén bơm vào tank chứa 1 m ³ , sau đó nâng về trạm ETP xử lý. Kết thúc bơm khi có kết quả xác nhận “ĐẠT” từ phòng thí nghiệm sau khi lấy mẫu kiểm tra.	Bộ phận môi trường. Trưởng bộ phận ETP.
5		Dùng giẻ lau, chổi để vệ sinh bên trong mương thoát nước mưa các chất thải còn bám dính (nếu có), dùng nước phun xịt để đảm bảo mương thoát nước mưa sạch sẽ.	Bộ phận gây sự cố.
6		Bộ phận môi trường kết hợp cùng Trưởng bộ phận gây ra sự cố, điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại.	Bộ phận môi trường. Trưởng bộ phận ETP
7		Bộ phận môi trường lưu hồ sơ	Bộ phận môi trường


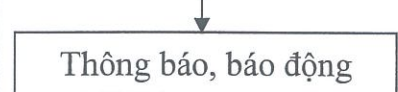
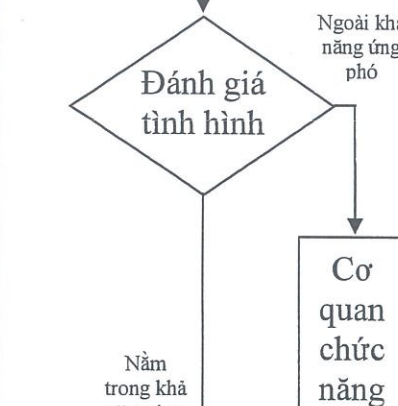
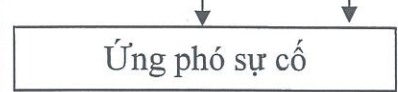
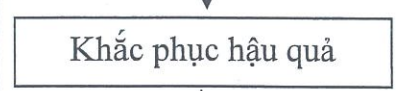
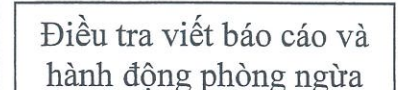



2.2.5. Tình huống 5: Khí thải lò hơi đốt than/trấu không đạt Quy chuẩn xả thải, thiết bị đo bụi online lắp trên ống khói báo vượt nồng độ xả thải, khói thải màu xám đen bất thường.

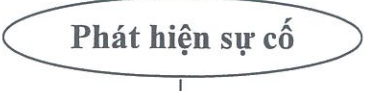
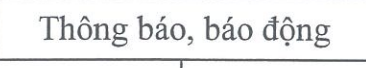
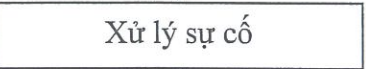
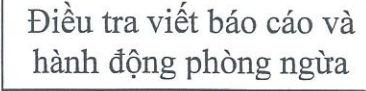

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		Giả định: Vận hành phát hiện nồng độ khí thải báo mức cao vượt quy chuẩn xả thải, từ thiết bị đo quan trắc bụi online lắp trên ống khói. Khói thải có màu xám đen bất thường.	Vận hành lò hơi, ...
2		Vận hành lò hơi khẩn cấp báo cho trưởng bộ phận lò hơi về sự cố. Trưởng bộ phận thông báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường.	Vận hành lò hơi. Trưởng bộ phận lò hơi
3		Phương án ứng phó: - Quản lý bộ phận báo cáo nhanh tình hình sự cố về giám đốc nhà máy, bộ phận môi trường. - Quản lý bộ phận trực tiếp chỉ đạo ứng phó sự cố: + Quản lý bộ phận, cùng 1 vận hành kiểm tra toàn bộ hệ thống: Bơm cấp nước hệ thống tháp hấp thụ, tháp hấp thụ, quan sát nước hồi từ hệ thống tháp hấp thụ. Hệ thống lọc bụi túi vải. Đánh giá nhanh tình hình, đưa ra kết luận sự cố để có hướng khắc phục kịp thời. + Trường hợp bơm cấp nước hệ thống tháp hấp thụ không hoạt động: Chuyển sang chạy bơm dự phòng, báo bộ phận bảo trì kiểm tra sửa chữa bơm. + Trường hợp túi lọc bụi có túi bị hỏng: Thông báo xin phê duyệt ban giám đốc dừng lò hơi than và vận hành lò hơi gas dự phòng để kiểm tra chi tiết và thay túi lọc mới.	Trưởng bộ phận lò hơi
4		Bộ phận môi trường kết hợp cùng Trưởng bộ phận lò hơi điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại.	Bộ phận môi trường. Trưởng bộ phận lò hơi.
5		Bộ phận môi trường lưu hồ sơ	Bộ phận môi trường



2.2.6. Tình huống 6: Tràn dầu nhiên liệu/hoặc dầu thực vật từ tàu trong khi nhập hàng tại bến cảng Calofic Hiệp Phước (Công ty đã lập Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và có hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên nghiệp về ứng phó sự cố tràn dầu - Hợp đồng đính kèm tại phụ lục).

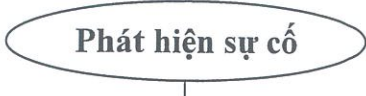
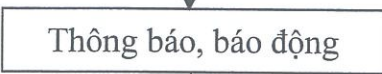
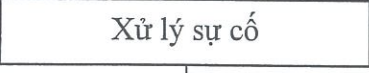
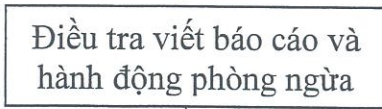
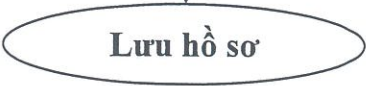
Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		<p>Giả định: Sự cố làm dầu tràn đổ ra sông khối lượng ước tính khoảng 1 tấn (<i>tốc độ dòng chảy trung bình sông Soài Rạp thời điểm sự cố ước tính là 0,4 m/s</i>).</p> <p>Người phát hiện hô hoán, thông báo sự cố cho trực cảng.</p>	Người phát hiện
2		<p>Nhân viên trực tại cảng, thông báo đến trưởng ban chỉ huy về sự cố tràn dầu (nguyên nhân ban đầu sự cố; khối lượng dầu tràn ước tính; tình trạng của tàu; hiện trạng thời tiết, thủy triều...).</p>	Bộ phận nhà bơm/Bảo vệ
3		<p>Trưởng ban chỉ huy sau khi xem xét đánh giá sơ bộ tình hình, tiến hành báo cho đơn vị đã hợp đồng ứng phó sự cố tràn dầu (Công ty MCIC) để tiến hành huy động lực lượng và trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu, đồng thời huy động toàn bộ lực lượng UPSCMT tại chỗ cùng có mặt để sẵn sàng tham gia ứng phó. Bố trí sẵn sàng các trang thiết bị PCCC, sơ cấp cứu và thông báo đến các cơ quan chức năng và các đơn vị liên quan về sự cố.</p> <p>Trường hợp xét thấy sự cố lớn, nằm ngoài khả năng ứng phó sẽ thông báo đến Cảng vụ Hàng Hải Tp. HCM xin đề xuất UBND Tp. HCM chi viện ứng phó.</p>	Trưởng ban hoặc phó ban chỉ huy
4		<p>Trưởng Ban chỉ huy tập hợp đội ứng cứu tại chỗ phối hợp với đơn vị dịch vụ UPSCMT (Công ty MCIC) triển khai quay phao chặn dầu theo phương án diễn tập định kỳ. Sau đó dùng cano di chuyển dọc theo hướng dòng chảy, kiểm tra nhằm phát hiện vết dầu loang trên sông, tiến hành dùng phao vây thấm dầu và vật liệu thấm hút để trực vớt.</p> <p>Sau khi quay phao chặn dầu xong, sẽ tiến hành dùng bơm hút dầu trên lớp mặt vào bể chứa tạm, sau đó dùng các tấm thấp dầu rải trên mặt để thu gom các ván dầu còn lại.</p>	Đơn vị UPSTD đã hợp đồng. Các thành viên đội UPSCMT Calofic Hiệp Phước
5		<p>Lượng dầu và chất thải phát sinh được thu gom và chuyên giao cho đơn vị xử lý theo quy định.</p> <p>Lấy mẫu phân tích chất lượng nước sông.</p>	
6		<p>Thu thập và lưu trữ bằng chứng để phục vụ công tác bồi thường thiệt hại do SCTD gây ra và đề xuất các phương án phòng ngừa. Báo cáo cho cơ quan chức năng về SCTD đã kết thúc xử lý.</p>	Bộ phận môi trường
7		<p>Bộ phận môi trường lưu hồ sơ sự cố</p>	Bộ phận môi trường

2.2.7. Tình huống 7: Tràn đổ chất thải lỏng (hóa chất/ nhớt thải) tại kho chứa rác thải nguy hại

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		-Giả định: Xe nâng nâng hạ các phi/can chứa hóa chất hoặc nhớt làm rơi đổ xuống nền đường, dẫn đến bục nắp làm tràn đổ ra ngoài; Khi nhập chất thải (hóa chất/ nhớt) vào kho làm ngã đổ phi/can chứa làm tràn đổ.	Nhân viên/nhà thầu tại trạm xử lý nước thải. Người bỏ rác thải.
2		Nhân viên/nhà thầu phát hiện sự cố: Báo cáo đến trưởng bộ phận trạm xử lý nước thải (ETP). Trưởng bộ phận thông báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường.	Bộ phận ETP/ Người bỏ rác/ Nhà thầu
3		Phương án ứng phó: - Quản lý bộ phận trực tiếp chỉ đạo ứng phó sự cố: + Cô lập khu vực tràn đổ, giăng dây cảnh báo không cho người không có nhiệm vụ vào. + Mang trang thiết bị bảo hộ: Mặt nạ phòng độc (đối với tràn hóa chất), bao tay cao su, mắt kính. + Ngắt nguồn tràn: Nếu nắp phi hoặc can bị bục nắp khi ngã đổ thì tiến hành dỡ phi/can đứng lại và khóa nắp kín. Nếu bị bục vỡ phi/can thì tiến hành sang chiết sang thiết bị lưu chứa khác phù hợp hoặc dùng giẻ lau chặn ép vị trí bục vỡ sau đó mới sang chiết. + Dùng vật liệu thấm hút (cát, giẻ lau) cô lập vị trí tràn đổ và thấm hút. + Thu gom vào túi nilong (2 lớp túi) và bỏ vào đúng vị trí trong kho rác nguy hại. + Vệ sinh lại vị trí tràn đổ. + Trường hợp tràn đổ có tràn vào hệ thống thoát nước mưa khu vực: Lập tức thông báo cho EHS khóa van tổng xả nước mưa ra KCN, dùng bao cát hoặc giẻ lau chặn cuối nguồn tràn (gần nhất), sau đó tiến hành thu gom như các bước trên. + Bộ phận môi trường xem xét quá trình ứng phó, nếu bộ phận không đủ nhân lực có thể đề nghị Giám đốc nhà máy huy động lực lượng ở các bộ phận khác tham gia ứng phó.	Trưởng bộ phận ETP
4		Bộ phận môi trường kết hợp cùng Trưởng bộ phận ETP điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại.	Bộ phận môi trường
5		Bộ phận môi trường lưu hồ sơ sự cố	Bộ phận môi trường

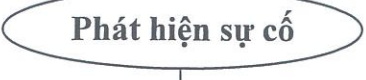
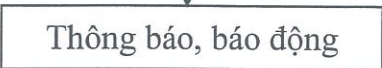
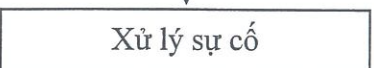




2.2.8. Tình huống 8: Tràn đổ đất thải (chất thải công nghiệp thông thường) ra khỏi kho chứa tại các phân xưởng tinh luyện


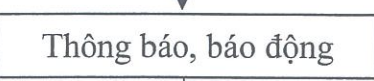
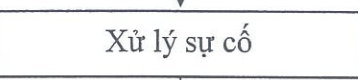
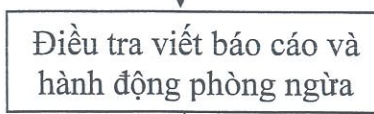

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		-Giả định: Đơn vị thu gom chất thải không thu gom đúng lịch, làm đầy kho đất thải. Sự cố hệ thống sản xuất xả đất thải với khối lượng vượt mức chứa của kho.	Nhân viên/nhà thầu tại phân xưởng tinh luyện/khác
2		Nhân viên/nhà thầu phát hiện sự cố: Báo cáo đến trưởng bộ phận phân xưởng tinh luyện Trưởng bộ phận thông báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường.	Bộ phận RF/ Nhà thầu
3		Phương án ứng phó: TBP trực tiếp chỉ đạo ứng phó: + Cô lập khu vực tràn đổ, giăng dây cảnh báo không cho người không có nhiệm vụ vào. + Mang trang thiết bị bảo hộ: Bao tay, giày bảo hộ, nón bảo hộ. + Ngắt nguồn tràn: Trưởng bộ phận RF yêu cầu tạm ngưng không xả đất thải xuống kho để vệ sinh khắc phục. + Dùng xẻng xúc đất thải tràn bên ngoài vào túi jumbo (liên hệ lấy tại bộ phận TS), sau đó buộc kín miệng bao vào di chuyển về khu vực có tường bao của RF. + Vệ sinh lại vị trí tràn đổ. + Trường hợp tràn đổ kết hợp có trời mưa: Trưởng bộ phận thông báo cho EHS khóa van tổng xả nước mưa ra KCN, dùng bạt che phủ hết cơn mưa sẽ xử lý tiếp (trường hợp mưa kéo dài thì che tạm và tiến hành xử lý). Đất thải nhiễm vào mương nước mưa thì dùng bơm khí nén hút vào tank IBC 1m ³ và chuyển giao về trạm xử lý nước thải. + Bộ phận môi trường xem xét quá trình ứng phó, nếu bộ phận không đủ nhân lực có thể đề nghị Giám đốc nhà máy huy động lực lượng ở các bộ phận khác tham gia ứng phó. + Thông báo cho phòng mua hàng làm việc với nhà thầu thu gom đất thải, điều động phương tiện thu gom hoặc ký hợp đồng với đơn vị thu gom khác phù hợp.	Trưởng bộ phận RF
4		Bộ phận môi trường kết hợp cùng Trưởng bộ phận RF điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại.	Bộ phận môi trường
5		Bộ phận môi trường lưu hồ sơ sự cố	Bộ phận môi trường



2.2.9. Tình huống 9: Bùn từ kho chứa của trạm xử lý nước thải vượt sức chứa container lưu chứa trong kho.

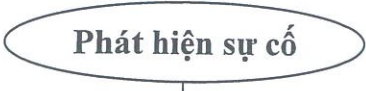
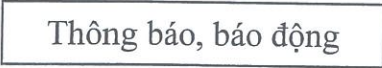
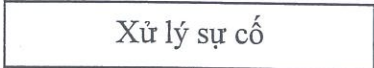
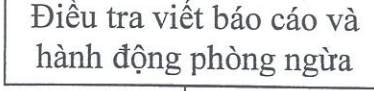
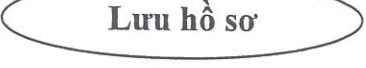
Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		-Giả định: Đơn vị thu gom bùn thải không thu gom đúng hạn. Nhu cầu ép xả bùn lớn đột xuất, vượt sức chứa của container chứa.	Nhân viên/nhà thầu tại phân xưởng tinh luyện/khác
2		Nhân viên/nhà thầu phát hiện sự cố: Báo cáo đến trưởng bộ phận xử lý nước thải Trưởng bộ phận thông báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường.	Bộ phận ETP/ Nhà thầu
3		Phương án ứng phó: TBP trực tiếp chỉ đạo ứng phó: + Mang trang thiết bị bảo hộ: Bao tay, giày bảo hộ, nón bảo hộ. + Ngắt nguồn tràn: Trưởng bộ phận ETP yêu cầu tạm ngưng không ép bùn và xả xuống container bên dưới. + Dùng xẻng xúc bùn thải tràn bên ngoài vào túi jumbo (liên hệ lấy tại bộ phận TS), sau đó buộc kín miệng bao tập kết trong nhà ép bùn. + Vệ sinh lại vị trí tràn đổ. + Trường hợp tràn đổ ra bên ngoài kho kết hợp có trời mưa: Trưởng bộ phận thông báo cho EHS khóa van tổng xả nước mưa ra KCN, dùng bạt che phủ hết con mưa sẽ xử lý tiếp (trường hợp mưa kéo dài thì che tạm và tiến hành xử lý). Bùn thải nhiễm vào mương nước mưa thì dùng bơm khí nén hút vào tank IBC 1m ³ và bơm lên bể gom của hệ thống xử lý nước thải. + Bộ phận môi trường xem xét quá trình ứng phó, nếu bộ phận không đủ nhân lực có thể đề nghị Giám đốc nhà máy huy động lực lượng ở các bộ phận khác tham gia ứng phó. + Thông báo cho phòng mua hàng làm việc với nhà thầu thu gom bùn, điều động phương tiện thu gom hoặc ký hợp đồng với đơn vị thu gom khác phù hợp.	Trưởng bộ phận ETP
4		Bộ phận môi trường kết hợp cùng Trưởng bộ phận ETP điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại.	Bộ phận môi trường
5		Bộ phận môi trường lưu hồ sơ sự cố	Bộ phận môi trường

2.2.10. Tình huống 10: Sự cố cháy kho rác thải nguy hại/ Kho rác công nghiệp thông thường

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		-Giả định: Cháy kho rác do hành vi con người không tuân thủ quy định công ty (hút thuốc không đúng nơi quy định, hàn cắt gần khu vực kho rác, phá hoại, ... hoặc do sấm sét, do nhiệt độ nắng nóng quá mức đối với các chất hóa học dễ cháy)	Nhân viên/nhà thầu làm việc trong công ty
2		Nhân viên/nhà thầu phát hiện sự cố: Báo cáo đến trưởng bộ phận quản lý kho rác khu vực (Kho rác nguy hại: TBP ETP; Kho rác công nghiệp: TBP Kho kỹ thuật) hoặc bộ phận EHS. Trưởng bộ phận thông báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường, bộ phận EHS.	Quản lý kho rác/ Nhà thầu
3		Phương án ứng phó: TBP quản lý kho rác trực tiếp chỉ đạo ứng phó, kết hợp cùng đội PCCC của Công ty. + Đám cháy nhỏ phát hiện kịp thời: Dùng bình PCCC tại chỗ dập tắt đám cháy ngay. + Đám cháy đã bùng phát lớn: Đội PCCC của Công ty tiến hành tổ chức ứng phó theo như Phương án PCCC đã được phê duyệt, trường hợp đám cháy vượt mức ứng phó của Công ty cần thông báo đến đội PCCC của cơ quan chức năng bên ngoài tham gia ứng phó. + Trưởng bộ phận thông báo cho EHS khóa van tổng xả nước mưa ra KCN, thu gom nước thải quá trình chữa cháy nhiễm vào mương nước mưa tank IBC 1m ³ và bơm lên bể gom của hệ thống xử lý nước thải. + Vệ sinh thu gom và phân loại rác thải sau đám cháy.	Trưởng bộ phận ETP/ nhân viên/ nhà thầu
4		Bộ phận EHS, bộ phận môi trường kết hợp cùng quản lý kho rác điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại.	Bộ phận môi trường
5		Bộ phận môi trường lưu hồ sơ sự cố	Bộ phận môi trường



2.2.11. Tình huống 11: Tràn dầu thực vật từ khu vực bồn bể

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		-Giả định: Nắp mainhouse (cửa bên dưới của bồn bể) bị bung nắp làm dầu thực vật tràn ra khu vực bồn bể. Lượng dầu tràn ước tính khoảng 20 – 3000 tấn.	Nhân viên/nhà thầu làm việc trong công ty
2		Nhân viên/nhà thầu phát hiện sự cố: Báo cáo đến trưởng bộ phận hoặc trưởng ca thuộc bộ phận bị sự cố hoặc báo bộ phận EHS. Trưởng bộ phận thông báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường, bộ phận EHS.	Trưởng bộ phận
3		Trưởng bộ phận trực tiếp chỉ đạo ứng phó: + Kiểm tra lại tình trạng khóa cả tất cả van xả nước mưa khu bồn bể (đảm bảo khóa kín). + Thông báo cho bộ phận EHS khóa van tổng xả nước mưa (Van xả nước mưa ra KCN). + Nếu mức tràn từ mainhouse đã giảm áp, tiến hành lắp nắp lại để hạn chế lượng dầu tràn. + Dùng bơm hút lượng dầu tràn vào bể chứa riêng chờ xử lý. + Vệ sinh khu vực bồn bể (nước thải vệ sinh đảm bảo thu gom về trạm xử lý nước thải) + Trường hợp dầu đã nhiễm vào mương thoát nước mưa thì thực hiện theo mục 2.2.4 (Tình huống 4) của Kế hoạch này.	Trưởng bộ phận ETP/ nhân viên/ nhà thầu
4		Bộ phận EHS, bộ phận môi trường kết hợp cùng TBP điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại.	Bộ phận môi trường
5		Bộ phận môi trường lưu hồ sơ sự cố	Bộ phận môi trường

2.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.3.1. Công trình, thiết bị và phương tiện ứng phó sự cố môi trường

Stt	Công trình, thiết bị, phương tiện	Vị trí	Mục đích
1	Giẻ lau	Tại các bộ phận	Ngăn chặn tràn chất lỏng; Vệ sinh khu vực
2	Bơm di động (bơm khí)	Tại bộ phận xử lý nước thải, tinh chế, nhà bơm.	Bơm chất lỏng do sự cố tràn ra
3	Tank chứa di động loại 1m ³	Tại bộ phận tinh chế, nhà bơm	Chứa chất lỏng do sự cố tràn ra
4	Bể chứa nước thải đầu vào hiện hữu	Nhà xử lý nước thải	Chứa nước thải do sự cố tràn ra
5	Xô chứa, chổi, ki xúc rác	Tại các bộ phận	Vệ sinh khu vực xảy ra sự cố
6	Xe nâng	Kho hàng	Vận chuyển các bể chứa di động
7	Thiết bị dự phòng: Túi lọc bụi nồi hơi	Kho kỹ thuật	Dự phòng thay thế túi bị hỏng
8	Bơm dự phòng cấp nước tháp hấp thụ	Nồi hơi	Thay thế trường hợp bơm đang chạy bị hỏng
9	Bơm chìm dự phòng	Bộ phận bảo trì	Bơm nước thải
10	Bao jumbo loại 1 tấn	Tinh chế (vỏ bao chứa đất tẩy)	Chứa tạm rác thải
11	Tường bao xây xung quanh khu bồn bể, gờ bao/pallet chống rò.	Bộ phận nhà bơm, bộ phận đóng gói	Phòng ngừa dầu thực vật tràn từ bồn bể.
12	Phương tiện liên lạc: Điện thoại cố định, bộ đàm liên lạc.	Tại các bộ phận	Liên lạc trong trường hợp xảy ra sự cố

13	Phao quây dầu tự nổi (cao 750 mm, nổi/chìm 350/400 cm)	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
14	Bồn chứa dầu cơ động triển khai dưới nước (5m ³)	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
15	Phao quây thấm dầu Φ20 x 6m	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
16	Tấm thấm dầu 40cm x 50cm x 0.5cm. 100 tấm/kiện	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
17	Chất thấm và phân hủy sinh học dầu 10kg/bao	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
18	Vợt thu hồi	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
19	Túi đựng chất thải nguy hại 80cm x 120cm	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
20	Trang bị bảo hộ chống nhiễm dầu chuyên dụng	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
21	Dây kéo phao	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
22	Các trang thiết bị PCCC: Bình PCCC, lăng vòi hệ thống cấp nước PCCC, hệ thống báo cháy.	Tại các khu vực có mối nguy (đã được phê duyệt trong Phương án PCCC)	Phòng cháy chữa cháy

2.3.2. Nguồn lực ứng phó sự cố môi trường

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Văn Sơn Em	Giám đốc nhà máy	Trưởng ban chỉ huy
2	Quảng Đình Sơn	Trưởng phòng sản xuất cấp cao	Phó ban chỉ huy
3	Nguyễn Tấn Thành	Phó bộ phận tinh chế	Thành viên

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
4	Nguyễn Văn Viễn	Phó ban EHS	Thành viên
5	Huỳnh Hữu Thông	Chuyên viên an ninh cấp trung	Thành viên
6	Nguyễn Ngọc Chiến	Trưởng bộ phận xử lý nước thải	Thành viên
7	Lê Tấn Cường	Nhân viên xử lý nước thải cấp cao	Thành viên
8	Nguyễn Huy Thái	Trưởng bộ phận lò hơi	Thành viên
9	Võ Hoàng Anh Khiết	Nhân viên nhà nồi hơi cấp cao	Thành viên
10	Phan Chí Lĩnh	Trưởng bộ phận nhà bơm	Thành viên
11	Ngô Văn Tài	Chuyên viên nhà bơm cấp trung	Thành viên
12	Nguyễn Văn Hồ	Phó bộ phận bảo trì	Thành viên
13	Đỗ Tấn Thơ	Chuyên viên bảo trì cấp cao	Thành viên
14	Nguyễn Quý Lâm	Trưởng phòng hậu cần	Thành viên
15	Hoàng Vạn Triệu	Chuyên viên cầu cảng cấp cao	Thành viên
16	Huỳnh Anh Bảo	Chuyên viên thí nghiệm cấp cao	Thành viên
17	Lực lượng PCCC của Công ty	-	Thành viên

2.3.3. Trách nhiệm và vai trò

- Trưởng ban chỉ huy (Giám đốc nhà máy):

- + Là người đưa ra quyết định phương án ứng phó xảy ra sự cố, hoạt động khắc phục hậu quả sau sự cố.

+ Trưởng ban có quyền huy động mọi nguồn lực của Công ty để ứng phó kịp thời các sự cố.

- **Phó ban chỉ huy:**

+ Hỗ trợ trưởng ban trong quá trình ứng phó sự cố.

+ Thay mặt trưởng ban điều hành hoạt động ứng phó khi trưởng ban vắng mặt.

- **Các thành viên:**

+ Sự cố xảy ra tại bộ phận nào, trưởng bộ phận đó có trách nhiệm tổ chức ứng phó theo kế hoạch ứng phó sự cố này, đồng thời thông báo cho Trưởng ban chỉ huy và bộ phận môi trường.

+ Tham gia ứng phó sự cố khi được yêu cầu.

+ Thực hiện theo các mệnh lệnh chỉ đạo của trưởng ban hoặc phó ban.

+ Tham gia khắc phục hậu quả sau sự cố.

+ Sắp xếp lực lượng tăng cường thuộc nhân viên/nhà thầu quản lý của bộ phận (trường hợp cần thiết).

2.3.4. Phương châm ứng phó sự cố môi trường

Công ty bố trí lực lượng tại chỗ để đảm bảo sẵn sàng ứng phó với sự cố môi trường xảy ra. Thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ:

- **Lực lượng tại chỗ.**

- **Chỉ huy tại chỗ.**

- **Phương tiện tại chỗ.**

- **Hậu cần tại chỗ.**

Cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất tại bộ phận là thành viên ứng phó sự cố môi trường. Các thành viên có trách nhiệm tham gia ứng phó sự cố môi trường, khi sự cố xảy ra tại bộ phận hay được điều động ứng phó sự cố môi trường xảy ra tại bộ phận khác trong nhà máy, theo sự chỉ đạo của Trưởng ban/ phó ban chỉ huy và trưởng bộ phận.

Trường hợp sự cố môi trường vượt quá tầm kiểm soát xử lý tại chỗ của bộ phận, Trưởng ban chỉ huy (Giám đốc nhà máy) sẽ điều động nhân lực từ các bộ phận khác trong nhà máy cùng tham gia khắc phục sự cố môi trường.

2.3.5. Kế hoạch tập huấn, huấn luyện, diễn tập về ứng phó sự cố môi trường

- **Tập huấn, huấn luyện:** Định kỳ 1 lần/năm bộ phận môi trường tổ chức buổi đào tạo về ứng phó sự cố môi trường.

+ Đối tượng đào tạo: Trưởng bộ phận, thành viên trong đội ứng phó sự cố môi trường.

- + Thời gian đào tạo: ½ ngày/1 lần/ năm.
 - + Người đào tạo: Bộ phận môi trường
 - + Nội dung đào tạo: Thông tin, bối cảnh chung hoạt động sản xuất của nhà máy; Tình huống xảy ra sự cố môi trường; Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường.
- **Diễn tập:** Để chủ động ứng phó khi có sự cố về môi trường, định kỳ hàng năm bộ phận có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường diễn tập ứng phó sự cố môi trường tại bộ phận theo kịch bản đã xây dựng.

Stt	Sự cố diễn tập	Bộ phận diễn tập	Tần suất diễn tập
1	Bể chứa nước thải bị bục vỡ tường làm tràn nước thải ra ngoài	Bộ phận xử lý nước thải	1 lần/năm
2	Bể vi sinh trạm xử lý nước thải 200 m ³ /ngày bị sự cố, nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn xả thải	Bộ phận xử lý nước thải	1 lần/năm
3	Tràn nước thải từ bể gom 1 trạm xử lý nước thải 200 m ³ /ngày	Bộ phận xử lý nước thải	1 lần/năm
4	Tràn nước thải vào hệ thống thoát nước mưa	Bộ phận EHS	1 lần/năm
5	Khí thải lò hơi đốt than/trấu không đạt Quy chuẩn xả thải	Bộ phận lò hơi	1 lần/năm
6	Tràn dầu nhiên liệu/hoặc dầu thực vật từ tàu trong khi nhập hàng tại cầu cảng Calofic Hiệp Phước	Phòng hậu cần	2lần/năm
7	Tràn đổ chất thải lỏng (hóa chất/nhớt thải) tại kho chứa rác thải nguy hại	Bộ phận xử lý nước thải	1 lần/năm
8	Tràn đổ đất thải (chất thải công nghiệp thông thường) ra khỏi kho chứa tại các phân xưởng tinh luyện	Bộ phận tinh chế	1 lần/năm
9	Bùn từ kho chứa của trạm xử lý nước thải vượt sức chứa container	Bộ phận xử lý nước thải	1 lần/năm

Stt	Sự cố diễn tập	Bộ phận diễn tập	Tần suất diễn tập
	lưu chứa trong kho.		
10	Diễn tập PCCC	Bộ phận EHS	1 lần/năm
11	Tràn dầu thực vật từ khu vực bồn bể	Bộ phận PH, CPP	1 lần/năm
12	Tràn đổ hóa chất	Bộ phận RF, BL, SF, ETP, TS.	1 lần/năm

2.3.6. Phương thức thông báo, báo động khi xảy ra sự cố môi trường và huy động nguồn lực trang thiết bị để ứng phó sự cố môi trường

- Phương thức thông báo, báo động khi xảy ra sự cố môi trường:

- + Người phát hiện: Hô to, báo hiệu xảy ra sự cố. Đối với sự cố tràn nước thải hô to “**Tràn nước thải, tràn nước thải, ...**”, sự cố tràn dầu “**Tràn dầu, tràn dầu, ...**”; ... gọi điện thoại/ bộ đàm báo/báo cáo miệng sự cố cho quản lý ca/vận hành đang làm việc;
- + Trưởng bộ phận/ giám sát ca/vận hành: Kiểm soát nhanh tình hình sự cố; báo cáo về Giám đốc nhà máy, bộ phận môi trường; Trực tiếp chỉ đạo bộ phận ứng phó sự cố môi trường như kịch bản đã xây dựng.

- Huy động nguồn lực, trang thiết bị ứng phó môi trường:

- + Huy động nguồn lực tại chỗ là các nhân viên bộ phận đang làm việc tại ca sản xuất hoặc có thể huy động lực lượng hỗ trợ từ các bộ phận khác trong nhà máy nếu cần.
- + Sử dụng trang thiết bị tại bộ phận, điều động trang thiết bị tại bộ phận khác hỗ trợ ứng phó sự cố nếu cần thiết: Giẻ lau, bơm khí, xe nâng, máy xúc, bể chứa...

CHƯƠNG III

KẾT LUẬN

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TP.HCM được xây dựng phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế của Công ty.

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường này là tài liệu xác định các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường, dự kiến kịch bản xảy ra sự cố môi trường kèm theo các phương án ứng phó tương ứng để bảo đảm phương châm bốn tại chỗ “**chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện tại chỗ; hậu cần tại chỗ**”.

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường này được cập nhật lại khi có phát sinh thêm nguy cơ sự cố về môi trường hoặc khi cần thay đổi phương án ứng phó sau mỗi đợt diễn tập.

Công ty thường xuyên kiểm tra thực hiện đúng quy trình trong sản xuất, phát hiện những nguy mất an toàn, thực hiện các biện pháp phòng ngừa có hiệu quả, không để xảy ra sự cố về môi trường trong sản xuất.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 4316158428

Chứng nhận lần đầu: ngày 16 tháng 7 năm 2012

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười bốn: ngày 04 tháng 4 năm 2022

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 731/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

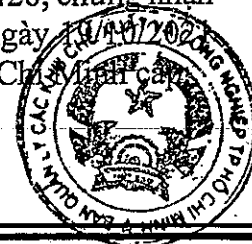
Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4316158428, chứng nhận lần đầu ngày 16/7/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ mười ba ngày 19/10/2021 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Calofic;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Calofic nộp ngày 28/3/2022,

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4316158428, chứng nhận lần đầu ngày 16/7/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ mười ba ngày 19/10/2021 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cấp



Được đăng ký điều chỉnh các nội dung dự án như sau: Thông tin nhà đầu tư, Mục tiêu của dự án, tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty Cổ phần; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300585984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 30/7/2010, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 12/3/2020;

Địa chỉ trụ sở chính: số 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; số điện thoại: 84 28 38294513, số fax: 84 28 38290586.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu; chức vụ Tổng giám đốc; sinh ngày 28/12/1958; quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số: 079158006435, cấp ngày 24/4/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư; đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay tại: 18 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh; số điện thoại: 84 28 38294513, số fax: 84 28 38290586.

2. Nhà đầu tư thứ hai:

Siteki Investments Pte Ltd; Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 199604663G, cấp ngày 26/6/1996, nơi cấp Singapore.

Địa chỉ trụ sở chính: 28 Biopolis Road, Wilmar International, Singapore (138568).

Đại diện bởi Bà SNG MIOU CHING; chức vụ: Giám đốc; sinh ngày 27/8/1960; quốc tịch Singapore; hộ chiếu số: K2324888R, cấp ngày 01/11/2021, nơi cấp Singapore; đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay tại: 202 Upper East Coast Road, #10-05 Eastern Lagoon II, Singapore 455284; số điện thoại: +65 62160244; số fax: +65 65362192.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

Công ty TNHH Calofic; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101362, đăng ký lần đầu ngày 24/6/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22/9/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam; số điện thoại: 02 03 3846993; fax: 02 03 3845971; email: info-calofic@vn.wilmar-intl.com;

Đại diện bởi Ông Vũ Văn Phú; chức vụ Tổng giám đốc; sinh ngày 22/02/1974; quốc tịch Việt Nam; hộ chiếu số: C4460944, cấp ngày 22/02/2018, nơi cấp Cục Quản lý Xuất nhập cảnh; đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay tại:



căn hộ PG3-8, lô SH-04, khu DV cao cấp Bến Đoan, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; số điện thoại: 02 03 3846993; địa chỉ email: info-calofic@vn.wilmar-intl.com.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM

2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô C21 và Lô C18-C24, khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Diện tích đất dự kiến sử dụng: 131.690,6 m² (diện tích Lô C21 là 84.982,7 m², diện tích Lô C18-C24 là 46.707,9 m²).

3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Sản xuất, chế biến để tiêu thụ nội địa và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm do Công ty sản xuất, chế biến sau đây:

+ Tất cả các loại và các hạng dầu thực vật và các phần phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi về mặt hóa học (như sản phẩm đậu cò; dầu hạt cò; dầu dừa; dầu đậu tương; dầu hạt cải; dầu hạt ngô; dầu lạc; dầu hạt vừng; dầu hạt hướng dương; dầu ô liu; dầu chè; dầu cám gạo; dầu cò stearin đã hydro hóa; dầu cò olein đã hydro hóa; margarine, shortening; dầu thay thế hương bơ và các loại dầu thực vật khác, ...) và chất béo động vật (đã qua sơ chế) trong các bao bì khác nhau (như chai nhựa, túi nhựa, thùng carton, can nhựa/kim loại, hộp thiếc, phuy thép và hàng xá);

+ Tất cả các loại quả và hạt có dầu, cơm dầu, bã dầu, khô dầu, các loại hạt bao gồm cả ngũ cốc như cám gạo, hạt ngô, hạt lạc, hạt vừng, hạt điều, củi dừa, hạt đậu tương, hạt cải và sắn, ...;

+ Các vật liệu bao bì nhựa, bao bì nhựa đóng gói dầu và mỡ động, thực vật cho việc sản xuất sản phẩm của Công ty;

- Thực hiện tiếp thị, khuyến mãi, quảng cáo, phân phối, bán và các hoạt động khác liên quan đến sản phẩm của Công ty;

- Mua và nhập khẩu thiết bị, máy móc, dụng cụ và các vật liệu khác cho các hoạt động sản xuất, chế biến và đóng gói; mua và nhập khẩu nguyên liệu cho việc sản xuất sản phẩm của Công ty;

- Thuê và cho thuê bể chứa và nhà kho giữa Công ty và các chi nhánh của Công ty; các công ty con và các công ty thành viên của Tập đoàn Wilmar (mã ngành 52109);

- Cung cấp hơi cho các công ty con và các công ty thành viên của Tập đoàn Wilmar (mã ngành 3530);

- Cung cấp dịch vụ xử lý nước thải cho các công ty con và các công ty thành viên của Tập đoàn Wilmar (mã ngành 3700);



- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu phục vụ cho Công ty và các chi nhánh của Công ty; các công ty con và các công ty thành viên của Tập đoàn Wilmar (mã ngành 5229);

- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam (CPC 622), cụ thể đối với các loại hàng hóa sau:

+ Tất cả các loại và các hạng dầu và mỡ động, thực vật và các phân phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi về mặt hóa học (như sản phẩm dầu cọ; dầu hạt cọ; dầu dừa; dầu đậu tương; dầu hạt cải; dầu hạt ngô; dầu lạc; dầu hạt vừng; dầu hạt hướng dương; dầu ô liu; dầu chè; dầu cám gạo; dầu cọ stearin đã hydro hóa; dầu cọ olein đã hydro hóa; margarine; shortening; dầu thay thế hương bơ và các loại dầu, mỡ động, thực vật khác,...) trong các bao bì khác nhau (như chai nhựa, túi nhựa, thùng carton, can nhựa/kim loại; hộp thiếc, phuy thép và hàng xá);

+ Tất cả các loại quả và hạt có dầu, com dầu, bã dầu, khô dầu, các loại hạt bao gồm cả ngũ cốc như cám gạo, hạt ngô, hạt lạc, hạt vừng, hạt điều, cùi dừa, hạt đậu tương, hạt cải và sắn,...;

+ Các vật liệu bao bì, bao bì đóng gói dầu và mỡ động, thực vật;

+ Các loại nguyên vật liệu, hóa chất và phụ gia thực phẩm phục vụ cho việc sản xuất các sản phẩm dầu và chất béo;

+ Các loại thiết bị, máy móc, dụng cụ, phụ tùng và các vật liệu khác phục vụ cho các hoạt động sản xuất, chế biến và đóng gói;

+ Các loại hàng hóa, sản phẩm phục vụ cho hoạt động xúc tiến thương mại;

+ Xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;

+ Các vật liệu bao bì, bao bì đóng gói xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;

+ Các loại nguyên vật liệu và hóa chất phục vụ cho việc sản xuất xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.

+ Các sản phẩm hoá chất từ dầu thực vật như glycerin, các axit béo, cồn béo, phôi xà phòng và các sản phẩm có nguồn gốc từ chúng.

4. Quy mô dự án: Sản xuất dầu tinh luyện từ phân xưởng tinh chế vật lý: 365.000 tấn dầu tinh luyện/năm;

5. Tổng vốn đầu tư: 2.754.508.759.875 (Hai ngàn bảy trăm năm mươi bốn tỷ năm trăm lẻ tám triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn tám trăm bảy mươi lăm) đồng Việt Nam tương đương 136.348.868 (Một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi tám) đô la Mỹ.

Cụ thể:

* Vốn đầu tư cho dự án trên Lô C21 (diện tích 84.982,7 m²):



- Vốn đầu tư giai đoạn năm 2005-2009 (thành lập nhà máy tại KCN Hiệp Phước để xây dựng chi nhánh để sản xuất và chế biến dầu thực vật): 34.000.000 (Ba mươi bốn triệu) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 10.000.000 (Mười triệu) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đã hoàn tất.

- Vốn đầu tư giai đoạn năm 2009-2010 (đầu tư bể chứa dầu và xây dựng phân xưởng nội hơi): 3.530.000 (Ba triệu năm trăm ba mươi ngàn) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 3.530.000 (Ba triệu năm trăm ba mươi ngàn) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đã hoàn tất.

- Vốn đầu tư giai đoạn năm 2010-2011 (đầu tư thêm phân xưởng tách sáp, đầu tư định kỳ thiết bị để hỗ trợ cho việc vận hành nhà máy): 2.942.028 (Hai triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn không trăm hai mươi tám) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 2.942.028 (Hai triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn không trăm hai mươi tám) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đã hoàn tất.

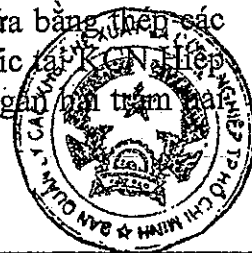
- Vốn đầu tư năm 2012 (xây dựng nhà kho, lắp đặt dây chuyền bơm dầu vào chai và dây chuyền thổi chai, chuyển đổi một máy shortening thành một dây chuyền đóng gói shortening/margarine/chất béo chuyên dụng và đầu tư cho bộ máy phát điện (1.450 KVA) và bổ sung vốn lưu động): 16.283.000 (Mười sáu triệu hai trăm tám mươi ba ngàn) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 4.275.271 (Bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi một) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đã hoàn tất.

- Vốn đầu tư từ năm 2013:

+ Xây dựng một phân xưởng trung hòa công suất 200 tấn/ngày, một phân xưởng tinh chế công suất 100 tấn/ngày và xây dựng các bể chứa bằng thép mềm bao gồm 04 bể loại 1.000 tấn, 02 bể loại 500 tấn và 04 bể loại 250 tấn: 6.575.000 (Sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 6.575.000 (Sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đến tháng 6/2013.

+ Đầu tư 01 máy dán nhãn đề can tự động cùng với một số thiết bị để phù hợp với thiết kế chai, nhãn mới và một số máy móc thiết bị có giá trị nhỏ khác tại Chi nhánh Calofic tại KCN Hiệp Phước: 1.387.271 (Một triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi một) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 1.387.271 (Một triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi một) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đến tháng 01/2014.

- Vốn đầu tư trong năm 2015 (đầu tư thêm dây chuyền thổi chai, dây chuyền đóng gói cho các sản phẩm có quy cách đóng gói lớn, xe nâng hàng, phân xưởng tách sáp dầu cám gạo, hệ thống đo bể tự động, hệ thống an ninh, đầu tư định kỳ thiết bị để hỗ trợ cho việc vận hành nhà máy, máy thổi chai, máy thổi chai nhựa PET loại 2 lít, phân xưởng sản xuất dầu axit, các bể chứa bằng thép các loại, các bộ máy xếp hàng lên kệ để hàng tại Chi nhánh Calofic tại KCN Hiệp Phước): 13.985.220 (Mười ba triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm hai mươi



mười) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 13.985.220 (Mười ba triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm hai mươi) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đến tháng 1/2016.

- Vốn đầu tư trong năm 2016 (mua mới và lắp đặt một dây chuyền thổi chai nhựa 0,4lít/ 1 lít và một dây chuyền máy rót chai cùng loại cùng với thiết bị/vật tư đi kèm; nâng cấp công suất sản xuất của phân xưởng tinh chế 100 tấn/ngày lên thành 200 tấn/ngày; mua mới và lắp đặt một dây chuyền sản xuất thử nghiệm chất béo chuyên dụng; đầu tư nâng cấp hoạt động của phân xưởng đóng gói; đầu tư hệ thống đo bề tự động; đầu tư nâng cấp hoạt động hệ thống thu gom tro bụi của Nhà nồi hơi; đầu tư thay thế các thiết bị văn phòng, thiết bị phòng thí nghiệm, máy móc thiết bị đơn giản cho hoạt động sản xuất kinh doanh chung và bổ sung vốn lưu động): 10.180.617 (Mười triệu một trăm tám mươi ngàn sáu trăm mười bảy) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án 6.280.617 (Sáu triệu hai trăm tám mươi ngàn sáu trăm mười bảy) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: tháng 4/2016.

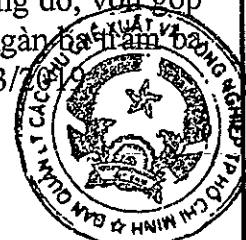
- Vốn đầu tư trong năm 2017:

+ Nâng cấp công suất trung hòa từ 200 tấn/ngày lên 600 tấn/ngày; lắp đặt hệ thống chân không sử dụng nước lạnh tuần hoàn; nâng cấp công suất nhà tách sáp từ 60 tấn/ngày lên 90 tấn/ngày; lắp đặt hệ thống một đường ống xuất nhập dầu từ cầu tàu vào bồn bể; xây dựng đường nội bộ mới và lắp đặt 2 cầu cân mới; xây dựng 4 bể trộn 25 tấn và bãi đỗ xe mở rộng; và đầu tư thay thế các thiết bị văn phòng, máy móc thiết bị đơn giản cho hoạt động sản xuất kinh doanh chung): 2.432.087 (Hai triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn không trăm tám mươi bảy) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án 2.432.087 (Hai triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn không trăm tám mươi bảy) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: tháng 4/2017.

+ Cải tiến phân xưởng chất béo chuyên dụng – nâng cấp máy làm lạnh và máy đánh nhuyễn dầu; lắp đặt máy đóng nắp trong dây chuyền rót cho các sản phẩm có quy cách đóng gói lớn; lắp đặt thiết bị phòng thí nghiệm GC-MS để kiểm tra 3-MCPD, GE và đầu tư các thiết bị văn phòng; máy móc thiết bị đơn giản cho hoạt động sản xuất kinh doanh chung: 2.677.765 (Hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi lăm) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 2.677.765 (Hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi lăm) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: tháng 8/2017.

- Vốn đầu tư trong năm 2018:

+ Xây dựng một phân xưởng tinh chế bán liên tục công suất 200 tấn/ngày; đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc đơn giản, thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động chung cho nhà máy tại Chi nhánh Hiệp Phước: 7.366.335 (Bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm ba mươi lăm) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 7.366.335 (Bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm ba mươi lăm) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đến tháng 3/2018.



+ Tăng vốn lưu động phục vụ hoạt động của nhà máy tại Chi nhánh Hiệp Phước: 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đô la Mỹ, được huy động từ các khoản vay ngân hàng trong và ngoài nước.

- Vốn đầu tư trong năm 2019:

Đầu tư mới bồn trổ và bơm cho nồi hơi than; xây dựng bồn bể, công trình nhỏ, phương tiện vận tải, đầu tư mua sắm máy móc thiết bị đơn giản, thiết bị văn phòng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chung cho nhà máy tại Chi nhánh Hiệp Phước: 1.898.547 (Một triệu tám trăm chín mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi bảy) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 1.898.547 (Một triệu tám trăm chín mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi bảy) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: tháng 03/2020.

- Vốn đầu tư trong năm 2021:

Đầu tư mới 1 bồn chứa thép mềm 1.300 tấn; đầu tư mới 1 máy làm lạnh dự phòng 580RT cho hệ thống làm lạnh chân không; xây dựng công trình nhỏ, mua phương tiện vận tải, đầu tư mua sắm máy móc thiết bị đơn giản, thiết bị văn phòng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chung cho nhà máy tại Chi nhánh Hiệp Phước: 1.443.998 (Một triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm chín mươi tám) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 1.443.998 (Một triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm chín mươi tám) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: trong vòng 90 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ mười hai.

* Vốn đầu tư cho dự án trên Lô C18-C24 (diện tích 46.707,9 m²):

Đầu tư xây dựng nhà kho (với hệ thống giá đỡ 4 tầng có sức chứa 6.800 cao bản): 9.647.000 (Chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 9.647.000 (Chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: tháng 8/2020.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: đến ngày 12/8/2046.

7. Tiến độ thực hiện dự án:

* Tại Lô C21:

- Giai đoạn năm 2005-2009 (thành lập nhà máy tại KCN Hiệp Phước để xây dựng chi nhánh để sản xuất và chế biến dầu thực vật): đã hoàn thành và đi vào hoạt động từ tháng 3/2007.

- Giai đoạn năm 2009-2010 (đầu tư bể chứa dầu và xây dựng phân xưởng nồi hơi): đã hoàn thành và đi vào hoạt động, cụ thể:

+ Bể chứa dầu: bắt đầu hoạt động từ tháng 5/2009;

+ Phân xưởng nồi hơi: bắt đầu hoạt động từ tháng 9/2010;

- Giai đoạn năm 2010-2011 (đầu tư thêm phân xưởng tách sáp, đầu tư định kỳ thiết bị để hỗ trợ cho việc vận hành nhà máy): đã hoàn thành.

- Giai đoạn năm 2012: đã hoàn thành.



- Giai đoạn năm 2013:

- + Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 5/2013 đến tháng 11/2015;
- + Vận hành thử: từ tháng 12/2015 đến tháng 6/2016;
- + Hoạt động chính thức: từ tháng 7/2016.

- Giai đoạn năm 2015:

- + Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2016;
- + Vận hành thử: từ tháng 7/2016 đến tháng 10/2016;
- + Hoạt động chính thức: từ tháng 11/2016.

- Giai đoạn năm 2016:

- + Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 4/2016 đến tháng 5/2018;
- + Vận hành thử: từ tháng 2/2017 đến tháng 5/2018;
- + Hoạt động chính thức: từ tháng 6/2018.

- Giai đoạn năm 2017:

- + Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 4/2017 đến tháng 10/2018;
- + Vận hành thử: từ tháng 2/2018 đến tháng 11/2018;
- + Hoạt động chính thức: tháng 12/2018.

- Giai đoạn năm 2018:

- + Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 12/2018 đến tháng 02/2021;
- + Vận hành thử: từ cuối tháng 01/2021 đến tháng 04/2021;
- + Hoạt động chính thức: từ tháng 04/2021;

- Giai đoạn năm 2021:

- + Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 8/2021 đến tháng 02/2022;
- + Vận hành thử: từ tháng 3/2022 đến tháng 11/2022;
- + Hoạt động chính thức: từ tháng 12/2022;

* Tại Lô C18-C24:

- Giai đoạn năm 2020:

- + Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2023;
- + Vận hành thử: từ tháng 03/2023 đến hết tháng 04/2023;
- + Hoạt động chính thức: từ tháng 05/2023;

* Tiến độ huy động vốn:

- Tiến độ góp vốn: đến ngày 31/8/2021.
- Hoàn tất vốn đầu tư: đến tháng 06/2023.



Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp: ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các điều kiện đối với hoạt động của dự án:

- Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật liên quan trong quá trình triển khai dự án.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư; thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

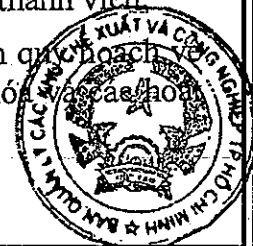
- Đối với hoạt động thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn):

+ Doanh nghiệp phải tuân thủ và đáp ứng điều kiện theo quy định tại Luật Thương mại, Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản khác có liên quan.

+ Doanh nghiệp chỉ được thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu, quyền phân phối các hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành và/hoặc thuộc diện kinh doanh có điều kiện sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp giấy tờ có giá trị tương đương và/hoặc đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật.

+ Doanh nghiệp không được phép kinh doanh hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, nhập khẩu hoặc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc hàng hóa thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

+ Chấp hành và tuân thủ các quy định khi có sự điều chỉnh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh và địa điểm hoạt động mua bán hàng hóa.



động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

+ Thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hóa theo quy định hiện hành.

+ Doanh nghiệp không được chứa hàng hóa thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối tại các kho hàng không đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư. Kho chứa các hàng hóa để thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối phải đáp ứng các điều kiện về chứa hàng, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, đảm bảo vệ sinh môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm theo đúng quy định.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4316158428, chứng nhận lần đầu ngày 16/7/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ mười ba ngày 19/10/2021 của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 bản cấp cho Công ty TNHH Calofic; 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.



Hứa Quốc Hưng

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 5700101362-008

Đăng ký lần đầu, ngày 16 tháng 07 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 28 tháng 09 năm 2021

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: CALOFIC CORPORATION - HIỆP PHƯỚC, HCMC BRANCH

Tên chi nhánh viết tắt: CALOFIC HIỆP PHƯỚC

2. Địa chỉ:

Lô C21 và Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3781 8806

Fax: (028) 3781 8802

Email: contact@wilmar.com.vn

Website: www.calofic.com.vn

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: VŨ VĂN PHÚ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/02/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C4460944

Ngày cấp: 23/02/2018

Nơi cấp: Cục Quản lý Xuất nhập cảnh

Địa chỉ thường trú: *Căn hộ PG3-8, Lô SH-04, Khu DV Cao Cấp Bến Đoàn, Phường Hồng Gai, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Căn hộ PG3-8, Lô SH-04, Khu DV Cao Cấp Bến Đoàn, Phường Hồng Gai, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH CALOFIC

Mã số doanh nghiệp: 5700101362

Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG
Phó Trưởng Phòng

Cù Thành Đức

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh Quyết định số 377/QĐ-CHHVN ngày 29/6/2007 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc Công bố mở Bến cảng chuyên dùng Calofic

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ về “Quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải”;

Căn cứ Quyết định số 2818/QĐ-BGTVT ngày 02/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ văn bản số 4838/BGTVT-KHĐT ngày 27/5/2021 của Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương bổ sung nội dung khai thác Bến cảng chuyên dùng Calofic;

Căn cứ các văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam: số 2411/CHHVN-KHĐT ngày 17/6/2021 bổ sung nội dung khai thác và số 764/CHHVN-KHĐT ngày 01/3/2021 thỏa thuận vị trí khôi phục trụ va, trụ neo, sàn công nghệ Bến cảng chuyên dùng Calofic;

Xét văn bản số 44-2022/CLFHP ngày 05/01/2022 và số 118-2022/CLFHP ngày 07/02/2022 của Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Chi nhánh Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân tại Hiệp Phước, thành phố Hồ Chí Minh) về việc đề nghị công bố mở Bến cảng chuyên dùng Calofic, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 5700101362-008 ngày 28/9/2021 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy tờ liên quan;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kết cấu hạ tầng hàng hải.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Điều chỉnh Điều 1, Quyết định số 377/QĐ-CHHVN ngày 29/6/2007 của Cục Hàng hải Việt Nam như sau:

Bến cảng chuyên dùng Calofic có kết cấu dạng bến nhô với chiều dài 18m (sàn công nghệ) kết hợp với 02 trụ neo, 02 trụ va phía thượng lưu và hạ lưu, được kết nối với đường bờ bằng hệ thống cầu dẫn dài 115m; được phép tiếp nhận tàu có trọng tải đến 20.000DWT ra, vào bốc dỡ hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Calofic và các công ty con, Công ty thành viên của Tập đoàn Wilmar tại Việt Nam (Công ty TNHH Wilmar Agro Việt Nam, Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV và Công ty TNHH Kinh doanh nông sản Việt Nam).

Điều 2. Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm:

1. Quản lý Nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại khu vực bến cảng nêu trên và được thu các khoản phí theo quy định pháp luật.

2. Căn cứ điều kiện khai thác bến cảng, điều kiện thực tế của cầu cảng, luồng tàu, giới hạn độ sâu vùng nước trước cầu cảng, luồng tàu (theo thông báo hàng hải)..., căn cứ quy định tại Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan để cho phép tàu thuyền có trọng tải và mớn nước phù hợp ra, vào neo đậu, làm hàng và thực hiện các dịch vụ hàng hải khác tại Bến cảng chuyên dùng Calofic bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng chống cháy nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường; kiểm tra, giám sát việc khai thác bến cảng đảm bảo đúng công năng, đối tượng được chấp thuận.

Điều 3. Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm:

1. Căn cứ quy định của Quyết định này, các quy định của pháp luật có liên quan và hồ sơ thiết kế, hoàn công bến cảng, thông số kỹ thuật của tàu theo thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thông báo cụ thể điều kiện khai thác và tổ chức khai thác bến cảng đúng mục đích, đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải, phòng chống cháy nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường; được thu các khoản phí theo quy định pháp luật.

2. Rà soát, hoàn chỉnh và phê duyệt quy trình vận hành, khai thác, bảo trì công trình phù hợp với thiết kế bến cảng theo quy định hiện hành; trong quá trình vận hành, khai thác cần thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá an toàn công trình để xử lý kịp thời khi phát sinh sự cố và thực hiện công tác duy tu, bảo trì cầu cảng, khảo sát thông báo hàng hải định kỳ các khu nước cho tàu vào, rời neo đậu, quay trở tàu của bến cảng theo quy định nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của công trình, bảo đảm hoạt động bình thường và an toàn khi sử dụng, khai thác.

3. Kê khai đầy đủ các dịch vụ có thu phí theo quy định khi bổ sung nội dung khai thác bến cảng và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 377/QĐ-CHHVN ngày 29/6/2007 của Cục Hàng hải Việt Nam.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng có liên quan của Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, thành phố Hồ Chí Minh^(3b) và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T. Thảo*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục trưởng (để b/c);
- Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh;
- Bộ đội Biên phòng TP. Hồ Chí Minh;
- Kiểm dịch y tế TP. Hồ Chí Minh;
- Kiểm dịch ĐTV TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng: KHĐT, ATANHH, PC, VTDVHH;
- Lưu: VT, KCHTHH^(PTT-5b).

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Đình Việt

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 54/2023/OL-CLF ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Công ty TNHH Calofic về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án "Nâng công suất tinh luyện dầu thực vật từ 292.000 tấn sản phẩm/năm lên 365.000 tấn sản phẩm/năm";

Theo đề nghị của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Calofic, địa chỉ tại Khu công nghiệp Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư "Nâng công suất tinh luyện dầu thực vật từ 292.000 tấn sản phẩm/năm lên 365.000 tấn sản phẩm/năm" có địa chỉ tại Lô C21 và Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nâng công suất tinh luyện dầu thực vật từ 292.000 tấn sản phẩm/năm lên 365.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C21 và Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4316158428 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận lần đầu ngày 16 tháng 7 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 14 ngày 04 tháng 4 năm 2022; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 24 tháng 6 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 9 năm 2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 5700101362-008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 7 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28 tháng 9 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 5700101362-008.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất dầu ăn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích dự án: 131.690,6 m² (trong đó, Lô C21 có diện tích 84.982,7 m²; Lô C18-C24 có diện tích 46.707,9 m²).

- Công suất: 365.000 tấn dầu tinh luyện/năm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình chính tinh luyện dầu (công suất 292.000 tấn/năm), tinh luyện bán liên tục (công suất 73.000 tấn/năm): Dầu nành/gạo trung hoà, Dầu cọ/Dầu nhân cọ hydro hoá → Gia nhiệt → Khử keo/gum → Tẩy màu → Lọc khung bản → Lọc tinh → Gia nhiệt → Khử mùi → Hạ nhiệt → Lọc tinh → Sản phẩm.

+ Quy trình trung hoà dầu thô (công suất 219.000 tấn/năm): Dầu thô → Gia nhiệt → Khử keo/gum → Trung hoà kiềm → Ly tâm → Chia pha:

- Pha nặng (soapstock) → Gia nhiệt → Axit hoá → Lắng → Dầu axit lưu trong bồn chứa;

- Pha nhẹ (dầu trung hoà) → Tách ẩm/Rửa nước → Lọc thô (sau tách ẩm) → Lọc tinh → Sản phẩm lưu trong bồn chứa.

+ Quy trình tách sáp dầu cám gạo (công suất 32.850 tấn/năm): Dầu gạo → Tạo điều kiện kết tinh → Kết tinh → Lọc và ép → Sản phẩm.

+ Quy trình sản xuất bơ/shortening/margarine/chất béo chuyên dụng (công suất 38.880 tấn/năm): Dầu đã tinh luyện → Bể trộn → Bơm áp lực cao → Thiết bị làm lạnh → Thiết bị làm nhuyễn → Van làm đồng nhất → Chiết rót đóng thùng → Sản phẩm.

+ Quy trình tách khô dầu cọ (công suất 164.250 tấn/năm): Dầu cọ tinh luyện → Gia nhiệt → Kết tinh → Lọc và ép → Sản phẩm.

+ Quy trình thổi chai PET: Hạt nhựa PET → Sấy nhựa → Gia nhiệt nhựa → Ép phôi – làm mát → Phôi nhựa → Gia nhiệt phôi → Thổi chai → Sản phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Calofic:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Calofic có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 13 tháng 3 năm 2023 đến ngày 12 tháng 3 năm 2033).

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- PTTgCP, Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND TP. Hồ Chí Minh (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT TP. Hồ Chí Minh;
- BQL các KCX&CN TP. Hồ Chí Minh;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Văn phòng TN&TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần KCN Hiệp Phước;
- Công ty TNHH Calofic;
- Lưu: VT, KSONMT, CN&NHLiem.



Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sau xử lý được tái sử dụng và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Đã có thoả thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các khu vực văn phòng, nhà kho (có 02 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích thiết kế 35 m³/bể), khu vực phân xưởng nhà bom (có 01 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích thiết kế 35 m³); nước thải từ khu vực nhà ăn (có 01 bể tách dầu mỡ, dung tích thiết kế 11,7 m³); nước thải xả đáy định kỳ từ các hệ thống giải nhiệt gián tiếp tại các dây chuyền sản xuất, nước thải từ hệ thống lọc nước RO, nước thải vệ sinh pallet, vệ sinh bồn bể thuộc phân xưởng nhà bom, nước thải rửa dụng cụ từ phòng thí nghiệm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải số 01 của Nhà máy (công suất thiết kế 100m³/ngày), sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

- Nước thải từ các công đoạn sản xuất (từ quá trình trung hòa dầu thô, từ xưởng tinh luyện dầu, hệ thống xử lý khí thải lò hơi, xả đáy lò hơi) và nước thải tiếp nhận từ các Công ty thành viên (Công ty TNHH Meizan CLV, Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Nam Dương) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải số 02 của Nhà máy (công suất thiết kế 200 m³/ngày), sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

- Điểm đầu nối nước thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 1176113; Y = 610583.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°)

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**1.2.1. Công trình xử lý nước thải sản xuất:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Hệ thống xử lý nước thải số 01 (công suất 100 m³/ngày): Nước thải (từ khu vực văn phòng, phòng thí nghiệm, nhà ăn, nhà vệ sinh phân xưởng nhà bom, rửa pallet, xả đáy định kỳ tháp giải nhiệt, hệ thống lọc nước RO, vệ sinh bồn bể) → Bể gom → Bể tách dầu

→ Bể xử lý sinh học hiếu khí theo mẻ → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước;

+ Hệ thống xử lý nước thải số 02 (công suất 200 m³/ngày): Nước thải (từ quá trình trung hoà dầu thô) → Bể thu gom 1 → Bể phản ứng 1 → Bể lắng 1 → Bể phản ứng 2 → Bể tuyển nổi 1 → Bể thu gom 2 (tiếp nhận nước thải từ Công ty TNHH Meizan CLV, Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Nam Dương, nước thải sản xuất từ xưởng tinh luyện dầu, hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nước xả đáy lò hơi, nước thải sau ép bùn) → Bể phản ứng 3 → Bể lắng 2 → Bể phản ứng 4 → Bể tuyển nổi 2 → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng 3 → Bể phản ứng 5 → Bể lắng 4 → Bể chứa nước → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

- Tổng công suất thiết kế: 300 m³/ngày.

-- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Ca(OH)₂, PAC, PAM (hoặc các hóa chất khác tương đương, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước).

1.2.2. Công trình giải nhiệt nước làm mát thiết bị sản xuất:

Máy thổi phôi, máy thổi chai nhựa PET, bộ trao đổi nhiệt cho dầu đã tinh luyện trước khi vào phân xưởng đóng gói, máy làm lạnh cho phân xưởng bơ, cụm máy nén khí, bộ trao đổi nhiệt trong quá trình trung hòa và tinh luyện dầu được làm mát bằng nước. Nước làm mát được thu gom, giải nhiệt và sử dụng tuần hoàn trong các hệ thống riêng biệt, có quy trình công nghệ trong tự nhau.

- Số lượng: 15 hệ thống giải nhiệt nước làm mát, bao gồm: Máy thổi phôi (01 hệ thống), máy thổi chai nhựa PET (01 hệ thống), bộ trao đổi nhiệt cho dầu đã tinh luyện trước khi vào phân xưởng đóng gói (02 hệ thống), máy làm lạnh cho phân xưởng bơ (01 hệ thống), cụm máy nén khí (03 hệ thống), bộ trao đổi nhiệt trong quá trình trung hòa và tinh luyện dầu (07 hệ thống).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước làm mát gián tiếp → Tháp giải nhiệt → Bể chứa → Tuần hoàn tái sử dụng; nước thải xả đáy định kỳ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa sự cố nước thải:

- Bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.
- Trang bị những thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời.
- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

- Ghi chép sổ nhật ký vận hành, theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Thường xuyên phối hợp với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hiệp Phước theo định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra chất lượng nước thải trước khi đầu nối theo quy định của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

- Đối với việc tiếp nhận nước thải của 02 Công ty thành viên (Công ty TNHH Meizan CLV, Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Nam Dương): thường xuyên theo dõi, đánh giá cảm quan; trường hợp bất thường cần đo nhanh, lấy mẫu phân tích các thông số cơ bản để đánh giá chất lượng nước trước khi tiếp nhận.

b) Kịch bản và phương án ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải:

Trường hợp chất lượng nước thải không đáp ứng tiêu chuẩn đầu nối, phải dừng ngay việc xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước, kiểm tra tìm kiếm lỗi phát sinh từ hệ thống, thiết bị nào để thay thế, sửa chữa kịp thời, cụ thể:

- Nếu phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày: tạm dừng sản xuất công đoạn tương ứng để không phát sinh nước thải, kiểm tra, tìm kiếm, thay thế, sửa chữa thiết bị, bộ phận bị hỏng; sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành lại hệ thống xử lý nước thải, bảo đảm hệ thống vận hành ổn định (lấy mẫu phân tích các thông số ô nhiễm cho đến khi đạt yêu cầu) mới sản xuất trở lại.

- Nếu phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày: thông báo và ngừng tiếp nhận nước thải từ 02 Công ty thành viên, tạm dừng sản xuất công đoạn tương ứng để không phát sinh nước thải, kiểm tra, tìm kiếm, thay thế, sửa chữa thiết bị, bộ phận bị hỏng; sau khi khắc phục xong sự cố, bơm nước thải chưa đạt yêu cầu quay lại Bể gom 2 và vận hành lại hệ thống xử lý nước thải, bảo đảm hệ thống vận hành ổn định (lấy mẫu phân tích các thông số ô nhiễm cho đến khi đạt yêu cầu) mới vận hành lại sản xuất và tiếp nhận nước thải từ 02 Công ty thành viên.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm lại do Dự án đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường và được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, xác nhận tại Công văn số 2787/STNMT-CCBVMT ngày 14 tháng 4 năm 2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, cơ sở bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hiệp Phước, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ lò hơi đốt than/trấu, công suất 22 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ lò hơi Geka sử dụng nhiên liệu là khí đốt, công suất 3,563 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải từ lò hơi Garioni sử dụng nhiên liệu là khí đốt, công suất 1,141 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải từ lò hơi Mechmar sử dụng nhiên liệu là khí đốt, công suất 13,605 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 05: Bụi, khí thải từ lò hơi cao áp Geka sử dụng nhiên liệu là khí đốt, công suất 600.000 kcal/giờ.
- Nguồn số 06: Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu là dầu DO, công suất 1.280 kVA (theo đề nghị của Công ty).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Calofic tại Lô C21 và Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45' vĩ chiều 3°):

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải của lò hơi đốt than/trấu (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176252; Y = 610971.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói thải từ lò hơi Geka (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176191; Y = 610849.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói thải từ lò hơi Garioni (nguồn số 03), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176236; Y = 610875
- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống khói thải từ lò hơi Mechmar (nguồn số 04), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176191; Y = 610822.
- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống khói thải từ lò hơi cao áp Geka (nguồn số 05), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176239; Y = 610774.
- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với ống khói thải của máy phát điện dự phòng (nguồn số 06), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176178; Y = 610825.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 65.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.571 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.417 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 23.805 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.615 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 06: Chưa xác định.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói thải, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B; K_p = 0,9 và K_v = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng thải số 01			03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
2	CO	mg/Nm ³	900		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	765		
4	SO ₂	mg/Nm ³	450		
II	Dòng thải số 02, 03, 04, 05			Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
2	CO	mg/Nm ³	900		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	765		
4	SO ₂	mg/Nm ³	450		
III	Dòng thải số 06				
	Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu là dầu DO, công suất 1.280 kVA, chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Thu gom theo đường ống riêng về hệ thống xử lý khí thải của lò hơi đốt than/trấu, sau đó xả ra môi trường qua ống khói thải (dòng khí thải số 01).
- Nguồn số 02-05: Xả ra môi trường qua ống khói thải riêng biệt của từng lò hơi sử dụng nhiên liệu khí đốt (tương ứng các dòng khí thải số 02-05).
- Nguồn số 06: Xả ra môi trường qua ống khói thải của máy phát điện dự phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải của lò hơi đốt than/trấu (nguồn số 01):

- Quy trình công nghệ: Khí thải → Bộ thu hồi nhiệt → Lọc bụi túi vải → Tháp hấp thụ → Tháp lọc khô → Ống khói thải.
- Công suất thiết kế: 65.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải từ các lò hơi sử dụng nhiên liệu khí đốt (trương ứng các nguồn khí thải số 02-05):

- Số lượng: 04 hệ thống riêng biệt cho 04 lò hơi, quy trình công nghệ tương tự nhau.

- Quy trình công nghệ: Khí thải lò hơi sử dụng nhiên liệu khí đốt → Ống khói thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện quan trắc định kỳ, căn cứ kết quả quan trắc định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế, vận hành của hệ thống xử lý khí thải.

- Trang bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hỏng hóc.

- Thường xuyên kiểm tra, làm sạch bụi trên túi lọc, thay mới túi lọc bị hỏng để đảm bảo hiệu suất xử lý bụi cũng như hạn chế tối đa sự cố xảy ra đối với hệ thống lọc bụi túi vải.

- Trường hợp túi lọc bị rách, hỏng phải thay mới kịp thời.

- Trường hợp có khói đen phải dừng lò ngay để kiểm tra, tìm kiếm, thay thế, sửa chữa bộ phận bị hỏng.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải không thể khắc phục được trong thời gian ngắn phải dừng hoạt động lò hơi để xử lý, sau khi khắc phục xong sự cố, bảo đảm hệ thống xử lý khí thải vận hành ổn định (mẫu khí thải sau xử lý đạt yêu cầu) mới cho lò hơi hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm lại do Dự án đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường và được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, xác nhận tại Công văn số 2787/STNMT-CCBVMT ngày 14 tháng 4 năm 2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Cụm máy nén khí tại phân xưởng đóng gói.
- Nguồn số 02: Máy thổi chai tại phân xưởng đóng gói.
- Nguồn số 03: Máy thổi phôi phân xưởng đóng gói.
- Nguồn số 04: Máy phát điện dự phòng công suất 1.280.kVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1176172; Y = 610648.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1176154; Y = 610666.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1176119; Y = 610783.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1176178; Y = 610825.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy và sàn đặt máy phải được kê đệm chống rung để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác) giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	1.128
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiăng) thải	18 01 02	1.327
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	2.876
4	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	680
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	49
6	Ắc quy chì thải	19 06 01	336
7	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có chứa chất thải nguy hại	19 05 02	10.530
8	Các loại dầu thải khác	17 07 03	2.339
9	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	20
10	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	36
11	Bao bì mềm thải	18 01 01	375
12	Vật thể mài, đế mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (đá mài, giấy ráp...)	07 03 10	91
13	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	16 01 13	60
14	Vật liệu lót và chịu lửa thải có các thành phần nguy hại không phải từ quá trình luyện kim	19 11 03	73
	TỔNG KHỐI LƯỢNG		19.920

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Đất thải từ quá trình tinh luyện dầu thực vật	4.000.000
2	Tro bay từ lò hơi đốt than, trấu	1.400.000
3	Xi than từ lò hơi đốt than, trấu	132.000
4	Bùn từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	14.000
5	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	614.000
6	Bùn từ hệ thống tháp giải nhiệt, hệ thống cống thoát nước mưa	1.200.000
7	Bao bì hỏng	500.000
8	Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác	166.000
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	8.026.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	44
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	44

1.4. Chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:****2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

Bao bì, thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho số 1: 14 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường và mái bao bằng tôn; nền bê tông; có rãnh thu gom chất thải lỏng về hố gom.

- Diện tích kho số 2: 11 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường và mái bao bằng tôn; nền bê tông; có rãnh thu gom chất thải lỏng về hố gom.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Bao bì.

- 01 silo chứa tro bay, thể tích khoảng 141 m³.

- 02 bể chứa bùn, thể tích khoảng 3 m³/bể.

2.2.2. Kho lưu chứa:**a) Tại Lô C21:**

- 02 kho lưu chứa chất thải công nghiệp, diện tích khoảng 16 m²/kho.
- 03 kho lưu chứa đất tẩy thải tinh chế, diện tích kho 1 khoảng 39 m², kho 2 khoảng 36 m², kho 3 khoảng 18 m².
- 01 kho lưu chứa bùn thải, diện tích khoảng 68 m².
- 01 kho lưu chứa xỉ than, diện tích khoảng 150 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch, nền bê tông, mái khung thép lợp tôn.

b) Tại Lô C18-C24:

- 01 kho chứa chất thải công nghiệp, diện tích khoảng 9 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch, nền bê tông, mái khung thép lợp tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**2.3.1. Thiết bị lưu chứa:**

Thùng có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa:

Không có kho lưu chứa riêng chất thải sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Công ty đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất chính và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1224/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất tinh luyện dầu thực vật từ 292.000 tấn sản phẩm/năm lên 365.000 tấn sản phẩm/năm”, thực hiện tại Lô C21, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó một số nội dung thay đổi so với Quyết định số 1224/QĐ-BTNMT nêu trên đã được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty.

2. Công ty tiếp tục thực hiện hạng mục xây dựng nhà kho chứa hàng thành phẩm tại Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước đã được phê duyệt theo Quyết định 228/QĐ-BTNMT ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt điều chỉnh nội dung Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất tinh luyện dầu thực vật từ 292.000 tấn sản phẩm/năm lên 365.000 tấn sản phẩm/năm” tại Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh và báo cáo đến Bộ Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản sau khi hoàn thành.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Số: 201/2023/HĐ-CLF-MCIC

Cung cấp dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu tại Cảng Calofic

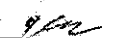
GIỮA

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI VIỆT
NAM

Calofic 

Nhà cung cấp 

PHẦN 1. CĂN CỨ KÝ KẾT

Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005 tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XI;

Bộ luật Hàng hải số 95/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25/11/2015;

Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/6/2015;

Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu kèm theo quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2022; Căn cứ nhu cầu và năng lực của 2 bên.

Hôm nay ngày 28 tháng 04 năm 2023 chúng tôi gồm có:

BÊN A: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM

Địa chỉ : Lô C21 và Lô C18 – C24, KCN Hiệp Phước, X.Hiệp Phước, H.Nhà Bè, TP.HCM

Điện thoại : 02838.333.168 Fax: 02838.333.166

Mã số thuế : 5700101362-008

Đại diện bởi : Ông **VÕ HOÀNG CHUÔNG**

Chức vụ : **Trưởng Phòng Mua Hàng Cấp Cao**

Theo giấy ủy quyền số 85/2023/OL-CALOFICQN được Tổng Giám Đốc ký ngày 01/03/2023
(Sau đây được gọi là "Calofic")

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 12 Hồ Sen – Phường Dư Hàng - Quận Lê Chân - Thành Phố Hải Phòng.

Điện thoại : 0225.6285060 Fax: 0225.611418

Tài khoản : 0751004218006 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình, chi nhánh Hải Phòng.

Mã số thuế : 0200805121

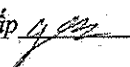
Đại diện : Ông **TRẦN THÀNH TRUNG**

Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

(Sau đây được gọi là "Nhà cung cấp")

Hai bên đồng ý ký Hợp Đồng với các điều khoản như sau:

Calofic 

Nhà cung cấp 

PHẦN 2: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

A. CÁC ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI

1. Nội dung dịch vụ

Calofic đồng ý thuê và nhà cung cấp đồng ý cung cấp các dịch vụ sau:

- 1.1 Dịch vụ “trực thông tin ứng phó sự cố tràn dầu”: nhà cung cấp sẽ bố trí nhân viên tiếp nhận thông tin sự cố tràn dầu 24/24 nhằm sẵn sàng ứng phó khi có sự cố tràn dầu xảy ra tại cầu cảng của Calofic.
- 1.2 Dịch vụ “Ứng phó sự cố tràn dầu” (UPSCTD): Nhà cung cấp tổ chức triển khai ứng phó khi có sự cố tràn dầu xảy ra tại cầu cảng của Calofic
- 1.3 Dịch vụ “Đào tạo nghiệp vụ ứng phó sự cố tràn dầu”: nhà cung cấp tổ chức đào tạo/ tập huấn các nghiệp vụ, kỹ năng về ứng phó sự cố tràn dầu cho Calofic 1 lần/năm. *Nội dung chương trình đào tạo tại phụ lục 1 đính kèm.*
- 1.4 Dịch vụ “Diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu”: Nhà cung cấp tổ chức cho Calofic thực hiện diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu 2 lần/năm tại hiện trường, trong đó 1 lần là diễn tập nội bộ, lần 2 là diễn tập có các cơ quan chức năng tham dự.
- 1.5 Bố trí thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu tại cầu cảng của Calofic.

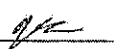
2. Thời gian thực hiện dịch vụ

Nhà cung cấp bắt đầu thực hiện dịch vụ và tính phí dịch vụ từ ngày 01/05/2023 đến hết ngày 30/04/2024.

3. Chi phí dịch vụ

- 3.1 Đơn giá dịch vụ “Trực thông tin ứng phó sự cố tràn dầu”:
 - a. Đơn giá: **14.000.000 VNĐ/Tháng. (Mười bốn triệu đồng)**
 - b. Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT.
 - c. Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thực hiện các dịch vụ đề cập ở mục 1.3, 1.4, 1.5 của điều 1.
 - d. Đơn giá được tính theo đơn vị “tháng”. Trường hợp bắt đầu thực hiện dịch vụ không rơi vào ngày đầu tiên của tháng dẫn đến việc Nhà cung cấp không thể thực hiện dịch vụ tất cả các ngày trong tháng, đơn giá sẽ được tính theo đơn vị “ngày” với chi phí **470.000 VNĐ/Ngày (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)** chưa bao gồm thuế VAT.
- 3.2 Đơn giá và các yêu cầu về dịch vụ “ Ứng phó sự cố tràn dầu”
 - a. Ứng phó sự cố tràn dầu cấp I “áp dụng cho sự cố tràn dầu dưới 20 tấn dầu tràn”
 - Đơn giá: **38.000.000 đồng/ngày (Ba mươi tám triệu đồng)**
 - Nhân lực: đội ứng phó gồm 12 người đảm nhận các vị trí sau : 01 chỉ huy hiện trường, 1 đội trưởng, 10 đội viên
 - Phương tiện, trang thiết bị được bố trí sau:

Calofic 

Nhà cung cấp 

STT	Tên phương tiện/ trang bị	ĐVT	Số lượng
1	Phương tiện chuyên chở trang thiết bị ứng phó	Chiếc	01
2	Cano cao tốc ứng phó sự cố	Chiếc	01
3	Phao quây tràn dầu	Bộ 200 mét	01
4	Bơm hút dầu tràn, 65m ³ /h	Bộ	01
5	Bồn chứa dầu cơ động, dung tích 20m ³	Chiếc	01

b. Ứng phó sự cố tràn dầu cấp II và cấp III (áp dụng cho sự cố tràn dầu từ 20 tấn dầu tràn trở lên)

- Đơn giá: 67.500.000 đồng/ngày. (Sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)
- Nhân lực: đội ứng phó gồm 30 người đảm nhận các vị trí sau: 01 chỉ huy hiện trường, 01 đội trưởng, 28 đội viên
- Phương tiện trang thiết bị được bố trí như sau:

STT	Tên phương tiện	ĐVT	Số lượng
1	Phương tiện chuyên chở trang thiết bị ứng phó	Chiếc	02
2	Cano cao tốc ứng phó sự cố	Chiếc	02
3	Phao quây thấm dầu	Bộ 400 mét	01
4	Bơm hút dầu tràn, 65m ³ /h	Bộ	02
5	Bồn chứa dầu cơ động, dung tích 20m ³	Chiếc	02

c. Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT (Mức thuế VAT theo quy định của Chính Phủ tại thời điểm xuất hóa đơn)

d. Chi phí tối thiểu là 1 ngày.

e. Đơn giá trên bao gồm chi phí cho nhân lực, phương tiện và trang thiết bị ứng phó. Ngoài chi phí cố định trên, các chi phí vật tư tiêu hao sử dụng trong quá trình ứng phó sẽ được tính theo khối lượng nghiệm thu thực tế, đơn giá được tính theo đơn giá thị trường tại thời điểm ứng phó và sẽ được hai bên thống nhất bằng phụ lục.

f. Giá trên không bao gồm chi phí xử lý dầu sau thu gom và chi phí xử lý rác thải nhiễm dầu.

g. Chúng loại số lượng phương tiện, trang thiết bị vật tư bổ sung phải được thống nhất bằng biên bản có xác nhận của đại diện hai bên dựa theo biên bản hiện trường hoặc video clip ghi lại bởi đại diện của hai bên trước khi huy động.

h. Chi phí ứng phó được tính từ thời điểm phương tiện, trang thiết bị có mặt tại hiện trường đến khi hoàn thành công tác ứng phó. Thời gian ứng phó được hai bên xác nhận bằng biên bản nghiệm thu.

Calofic *[Signature]*

Nhà cung cấp *[Signature]*

5.3 Hợp đồng được xem là tự động thanh lý trong trường hợp hết thời hạn nêu trên mà không có bất kỳ văn bản nào gia hạn thời gian hiệu lực có xác nhận của các bên

B. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG


6. Cam kết và đảm bảo của nhà cung cấp

Nhà cung cấp cam kết và đảm bảo với Calofic rằng:

- 6.1 Nhà cung cấp có chức năng và giấy phép cần thiết để thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này phù hợp với Giấy chứng nhận Đầu tư/Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư/ Giấy chứng nhận Đăng Ký Doanh nghiệp của Nhà cung cấp
- 6.2 Dịch vụ được cung cấp với sự tận tâm và kỹ năng như thông lệ áp dụng cho Dịch vụ tương tự trên thị trường.
- 6.3 Nhà cung cấp tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành áp dụng đối với dịch vụ và cơ sở thực hiện dịch vụ, bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu về chất lượng, cơ sở vật chất, thiết bị, các giấy phép, v.v.
- 6.4 Nhà cung cấp tự chịu trách nhiệm giải quyết mọi khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến dịch vụ của bên thứ ba phát sinh do Nhà cung cấp không tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.
- 6.5 Chịu trách nhiệm cùng với Calofic thỏa thuận với các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan về quy trình, kế hoạch thực hiện công việc ứng phó.
- 6.6 Chịu trách nhiệm ứng phó sự cố tràn dầu tại khu vực cảng Calofic. Nhà cung cấp có trách nhiệm tự bố trí tủ chứa các trang thiết bị theo chỉ định của Calofic và đảm bảo các trang thiết bị bên trong tủ chứa an toàn trách mất cắp trong quá trình lưu trữ.
- 6.7 Nhà cung cấp đảm bảo rằng nhân lực, phương tiện và trang thiết bị luôn trong tình trạng sẵn sàng hoạt động để triển khai khi có sự cố. Nhà cung cấp tuân theo những yêu cầu hướng dẫn của Calofic (hoặc Đại diện Calofic tại khu vực cảng Calofic) liên quan đến dịch vụ trừ khi có yêu cầu đó không phù hợp với Hợp đồng.
- 6.8 Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, Nhà cung cấp có trách nhiệm tuân thủ các quy định, quy trình về an toàn, phòng cháy chữa cháy tại khu vực xếp dỡ hàng hóa của tàu, sà lan và phù hợp với quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam.
- 6.9 Nhà cung cấp bảo đảm rằng thực hiện Dịch vụ không gây ảnh hưởng đến Nhân sự, các thiết bị, ống dẫn, tàu thuyền của Calofic tại vùng xảy ra sự cố tràn dầu.
- 6.10 Khi có sự cố tràn dầu, trong thời gian 30 phút kể từ khi nhận được thông báo, Nhà cung cấp sẽ có mặt tại cảng Calofic thực hiện công tác ứng phó tràn dầu.
- 6.11 Chịu trách nhiệm và đền bù mọi thiệt hại thực tế xảy ra đối với Calofic và Bên thứ ba mà nguyên nhân là do lỗi cố ý của Nhà cung cấp gây ra.
- 6.12 Danh sách thông tin liên lạc khi có sự cố tràn dầu xảy ra:

STT	Họ và Tên	Số điện thoại	Chức vụ
-----	-----------	---------------	---------

Calofic 

Nhà cung cấp 

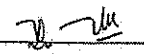
1	Phan Đình Khuyến	0962.667.700	Đội trưởng
2	Hoàng Duy Đoàn	0906.608.997	Đội phó 1
3	Đỗ Tiến Trung	0981.437.283	Đội phó 2
4	Nguyễn Xuân Liễm	0795.311.957	Chuyên viên

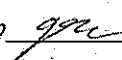
7. Cam kết và đảm bảo của Calofic

- 7.1 Thanh toán theo Điều 4 của hợp đồng này.
- 7.2 Cung cấp thông tin, số điện thoại của người phụ trách cảng hoặc người đại diện để Nhà cung cấp thuận tiện liên lạc trong quá trình ứng phó.
- 7.3 Calofic tạo điều kiện cho Nhà cung cấp liên lạc với Chủ tàu, sà lan và các Bên hữu quan để phối hợp ứng phó kịp thời.
- 7.4 Calofic có nhiệm vụ giám sát các hoạt động tại hiện trường của Nhà cung cấp, xác nhận khối lượng hoàn thành Dịch vụ của nhà cung cấp khi hoàn thành dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu.
- 7.5 Calofic thông báo cho Nhà cung cấp về kế hoạch tàu cập/ rời cảng Calofic trước ít nhất 8 tiếng bằng hình thức thông qua Zalo/Email/... để Nhà cung cấp nắm thông tin và có sự chuẩn bị kịp thời trong việc Ứng phó sự cố tràn dầu nếu có xảy ra.
- 7.6 Trong lúc chờ đợi Nhà cung cấp đến, Calofic phải chủ động triển khai ứng phó khẩn cấp sự cố bước đầu để giảm tổn thất. Khi lực lượng nhà cung cấp đến, Nhà cung cấp được toàn quyền chỉ huy trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế tại khu vực có sự cố. Calofic tạo mọi điều kiện và phối hợp với lực lượng ứng phó của Nhà cung cấp trong suốt quá trình triển khai ứng phó sự cố tràn dầu cho đến khi khắc phục xong.
- 7.7 Calofic có trách nhiệm bố trí khu vực lưu chứa, có camera quan sát khu vực và truy xuất khi cần thiết, có bảo vệ thường trực tại khu vực cảng.
- 7.8 Calofic bàn giao trang thiết bị vật tư ứng phó sự cố tràn dầu cho Nhà cung cấp hoặc bên thứ 3 do Nhà cung cấp chỉ định để thực hiện các công việc ứng phó khẩn cấp sự cố tràn dầu. Sau khi kết thúc ứng phó sự cố khẩn cấp, Nhà cung cấp có nghĩa vụ đặt lại trang thiết bị tối thiểu theo số lượng ban đầu (trước khi sử dụng).
- 7.9 Calofic có trách nhiệm bàn giao lại cho Nhà cung cấp toàn bộ số trang thiết bị mà Nhà cung cấp đặt tại Cảng của Calofic theo đúng số lượng, chủng loại ban đầu nếu kết thúc hợp đồng mà hai bên không đồng ý gia hạn hợp đồng hoặc ký hợp đồng mới.

8. Các hoạt động chấm dứt Hợp đồng trước hạn

- 8.1 Hợp đồng này có thể chấm dứt vào bất kỳ thời điểm nào trước thời hạn bởi một trong hai bên thông báo bằng văn bản gửi Bên kia trước mười lăm (15) ngày làm việc trong các trường hợp sau:
 - a. Bên kia phá sản hoặc mất khả năng thanh toán;

Calofic 

Nhà cung cấp 

- b. Một Bên vi phạm việc thực hiện các điều khoản của Hợp đồng này và không khắc phục vi phạm đó trong vòng mười bốn (14) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của phía Bên kia nêu rõ vi phạm đó và nêu rõ biện pháp khắc phục cần thiết;
- 8.2 Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng theo quy định tại Điều 10 Hợp đồng này kéo dài quá ba mươi (30) ngày, một trong các Bên sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại về việc chấm dứt Hợp đồng trước hạn cho sự kiện bất khả kháng với hiệu lực tức thì.
- 8.3 Trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước hạn theo quy định tại Điều 8.5 của Hợp đồng này
- 8.4 Calofic được quyền chấm dứt Hợp đồng trước hạn vào bất kỳ thời điểm nào sau khi đã gửi thông báo bằng văn bản cho Nhà cung cấp và không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào liên quan đến việc chấm dứt Hợp đồng trước hạn
- 8.5 Trong bất kỳ giai đoạn nào của sự kiện quy định tại điều 8.1, 8.2 và 8.4 xảy ra và tiếp tục, Nhà cung cấp vẫn có nghĩa vụ cung cấp Dịch vụ theo yêu cầu của Calofic để hoàn tất đơn đặt hàng mà Nhà cung cấp đã nhận thanh toán đầy đủ.


9. Các vấn đề về Chuyển quyền sở hữu & Chuyển rủi ro

- 9.1 Nhà cung cấp, bằng chi phí của mình, có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu chuẩn bị cần thiết để thực hiện Dịch vụ nhằm đề phòng các thiệt hại hoặc hư hỏng trong suốt quá trình cung cấp dịch vụ đến địa điểm theo yêu cầu của Calofic.
- 9.2 Calofic bảo lưu quyền từ chối nhận Dịch vụ nếu phát hiện các vấn đề liên quan về chất lượng Dịch vụ mà không phải do lỗi của Calofic và yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có).

10. Sự kiện bất khả kháng

- 10.1 Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra nằm ngoài khả năng kiểm soát của một Bên và không thể lường trước được tại thời điểm ký kết Hợp đồng hoặc không thể tránh được, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các sự kiện sau: hỏa hoạn, cháy nổ, động đất, khủng bố, thiên tai, đình công, tranh chấp lao động, bạo động, bạo loạn dân sự, chiến tranh, hoạt động thù địch, yêu cầu hay quy định của Chính phủ tại bất kỳ quốc gia, vùng lãnh thổ nào hoặc các nguyên nhân khác không thể tránh được; dịch bệnh; việc tạm dừng hoạt động, đóng cửa nhà máy, cơ sở sản xuất kinh doanh theo lệnh của cơ quan có thẩm quyền do ảnh hưởng của dịch bệnh.
- 10.2 Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng nêu tại điều 10.1 hợp đồng này bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm do không thể thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình nêu tại Hợp đồng này, với điều kiện là:
- a. Nhà cung cấp bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đã áp dụng mọi biện pháp hợp lý và cần thiết để phòng ngừa, hạn chế tối đa mọi ảnh hưởng và khắc phục hậu quả của sự kiện bất khả kháng nhưng sự kiện bất khả kháng và hậu quả bất lợi của nó vẫn xảy ra;
- b. Nhà cung cấp bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng cho Bên còn lại trong vòng

Calofic 

Nhà cung cấp 

24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Thông báo phải nêu rõ tính chất của sự kiện bất khả kháng và ảnh hưởng của nó đối với khả năng thực hiện nghĩa vụ của Nhà cung cấp bị ảnh hưởng bởi sự kiện này;

c. Việc không thực hiện được nghĩa vụ nếu tại Hợp đồng này có nguyên nhân trực tiếp từ sự kiện bất khả kháng đã thông báo cho Bên còn lại.

10.3 Thời gian thực hiện nghĩa vụ tại Hợp đồng sẽ được gia hạn tương ứng với thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và một khoảng thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả của sự kiện bất khả kháng. Nhà cung cấp bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình tại Hợp đồng này sau khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt và không ảnh hưởng đến việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng

11. Bảo mật thông tin

11.1 Trong suốt thời hạn Hợp đồng, các Bên phải nỗ lực hết sức để giữ gìn an toàn tất cả các thông tin có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này và tuân thủ nghiêm túc các quy định về bảo mật quy định tại Hợp đồng này. Các Bên không tiết lộ các thông tin đến hợp đồng này cho bất cứ bên thứ ba nào khác, ngoại trừ nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của mỗi bên ("Người tiếp nhận") trên cơ sở cần biết để thực hiện Hợp đồng này, nếu không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên kia trong thời hạn Hợp đồng này hoặc tại bất kỳ thời điểm nào sau thời hạn của Hợp đồng này.

11.2 Các Bên cam kết Người tiếp nhận hiểu rõ tính chất mật của các thông tin và tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo mật được quy định tại Hợp đồng này. Mỗi Bên tự chịu trách nhiệm đối với Bên còn lại trong trường hợp Người tiếp nhận của Bên đó vi phạm các nghĩa vụ bảo mật thông tin quy định tại Hợp đồng này.

11.3 Điều khoản này vẫn được áp dụng và có hiệu lực trong thời hạn 05 (năm) năm sau khi hợp đồng chấm dứt.

12. Quy tắc đạo đức kinh doanh

12.1 Mọi trường hợp Nhà cung cấp vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào được quy định tại Hợp đồng này, Nhà cung cấp sẽ chịu một khoản phạt tương ứng với 8% tổng giá trị của phần nghĩa vụ bị vi phạm.


12.2 Đối với việc thực hiện Dịch vụ chậm trễ do lỗi của nhà cung cấp hoặc do lỗi của Nhà cung cấp trung gian do Nhà cung cấp chỉ định, Nhà cung cấp sẽ chịu một khoản phạt tương ứng 1% tổng giá trị Dịch vụ bị chậm trễ cho mỗi ngày chậm trễ.

12.3 Ngoài ra, Nhà cung cấp sẽ bồi thường cho Calofic mọi thiệt hại thực tế phát sinh (nếu có) do các vi phạm của Nhà cung cấp gây ra.

13. Quy tắc đạo đức kinh doanh

13.1 Nhà cung cấp cam kết và đảm bảo nhân viên của Nhà cung cấp cam kết:

Calofic 

Nhà cung cấp 

- (a) Không tặng, cho nhân viên của Calofic, người nhà và/hoặc người công tác có liên quan của nhân viên này bất cứ lợi ích vật chất nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở tiền, chuyến du lịch, hiện vật, bữa tiệc, quà tặng dưới bất kỳ hình thức nào;
- (b) Không thúc đẩy, gây sức ép đối với nhân viên của Calofic, người nhà và/hoặc người công tác có liên quan dưới bất cứ hình thức nào bao gồm nhưng không giới hạn ở hứa thưởng, tiền hoa hồng hay bất cứ lợi ích vật chất nào khác nếu việc đó có thể tạo ra sự thiên vị hoặc vi phạm đạo đức liên quan đến đàm phán, ký kết hợp đồng vì lợi ích của chính những người này;
- (c) Trong trường hợp nhân viên của Calofic có cổ phần hay quyền lợi hay làm việc cho Nhà cung cấp, thì ngay lập tức Nhà cung cấp và nhân viên có liên quan phải thông báo cho ban lãnh đạo của Calofic nhằm đảm bảo tính trong sáng trong quan hệ giữa nhân viên này với các bên trong hợp đồng và để Công ty tìm cách xử lý thích hợp.

13.2 Calofic cam kết và đảm bảo rằng nhân viên của Calofic cam kết nhân danh chính mình, trong quan hệ với gia đình và những người xung quanh cũng như mọi thực thể kinh tế mà nhân viên đó có các lợi ích trực tiếp hay gián tiếp, thực hiện một cách trực tiếp hay gián tiếp các việc sau đây.

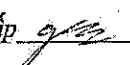
- (a) Không nhận quà, tiền hay bất kỳ lợi ích bằng hiện vật dưới bất kỳ dạng nào từ phía Nhà cung cấp và phải thông báo cho ban lãnh đạo của Calofic trong thời gian sớm nhất về một đề nghị như vậy mà nhân viên này nhận được để Calofic tìm cách xử lý thích hợp;
- (b) Không có bất cứ đòi hỏi đối với bên thứ ba nào về lợi ích hoặc ưu tiên dưới bất cứ hình thức nào từ các giao dịch được thực hiện nhân danh Calofic hoặc từ những ưu tiên dành cho bên thứ ba đó;
- (c) Không đối xử ưu tiên hoặc thiên vị đối với bất cứ nhà cung cấp nào vì bất cứ lý do gì nếu việc đó có thể tạo ra sự thiên vị hoặc vi phạm đạo đức liên quan đến đàm phán, ký kết hợp đồng vì lợi ích của chính những người này.

13.3 Quy tắc đạo đức trong kinh doanh này được áp dụng cho toàn thể nhân viên của Nhà cung cấp và Calofic và được xem như một thỏa thuận pháp lý giữa Nhà cung cấp và Calofic. Trong trường hợp Nhà cung cấp hoặc nhân viên của Nhà cung cấp không tôn trọng hoặc không thực hiện đúng theo quy định tại điều khoản này, Calofic có quyền chấm dứt Hợp đồng này và yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh từ việc vi phạm nghĩa vụ của Nhà cung cấp như quy định của điều khoản này.

14. Các điều khoản chung

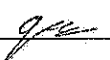
14.1 Hai Bên bảo đảm đầy đủ năng lực pháp lý theo pháp luật Việt Nam để thi hành và thực hiện tất cả các nghĩa vụ theo Hợp đồng này.

Calofic 

Nhà cung cấp 

- 14.2 Tất cả các quyền và nghĩa vụ của các Bên trong Hợp đồng này không được chuyển nhượng hoặc Hợp đồng lại với Bên thứ ba toàn bộ hay một phần khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên còn lại.
- 14.3 Nếu bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này bị coi là vô hiệu hoặc có thể bị coi là vô hiệu theo pháp luật áp dụng thì điều khoản đó được tách rời khỏi các điều khoản của hợp đồng này và được sửa đổi theo hướng các điều khoản còn lại của Hợp đồng này vẫn có giá trị và tình ràng buộc.
- 14.4 Mọi thay đổi, bổ sung Hợp đồng này phải được lập thành phụ lục có chữ ký của Đại diện có thẩm quyền của các bên. Các phụ lục (nếu có) này được xem là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa nội dung Hợp đồng này và các phụ lục, thì các phụ lục sẽ có giá trị pháp lý cao hơn và được ưu tiên áp dụng.
- 14.5 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản quy định tại Hợp đồng này. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, các bên sẽ cùng thỏa thuận thương lượng trên tinh thần hợp tác. Nếu không giải quyết được, tranh chấp sẽ được chuyển đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết. Luật áp dụng là luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 14.6 Việc thanh lý Hợp đồng tuân theo các điều khoản về hiệu lực Hợp đồng và chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại Hợp đồng này. Việc thanh lý Hợp đồng không miễn trừ nghĩa vụ bảo hành của Nhà cung cấp và nghĩa vụ bảo mật thông tin được quy định tại Hợp đồng này.
- 14.7 Nhà cung cấp có trách nhiệm mua và duy trì các loại Bảo hiểm cần thiết theo quy định của Nhà nước bằng chi phí của mình, bao gồm nhưng không giới hạn: phương tiện, thiết bị, vật liệu, xe cộ, tính mạng, bảo hiểm hàng hải cho Nhân sự và trang thiết bị tham gia vào hoặc liên quan đến Hợp Đồng này theo quy định và thông lệ của Cơ quan Bảo hiểm, Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với Bên thứ ba.
- 14.8 Hai Bên có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng hòa giải. Nếu tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc giải quyết tranh chấp theo cơ chế giải quyết tranh chấp tại Tòa án có thẩm quyền tại Hồ Chí Minh. Quyết định của tòa án có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên. Án phí và các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án do bên thua kiện chịu.
- 14.9 Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản tiếng Việt, mỗi bên giữ một (01) bản để thực hiện.

Calofic 

Nhà cung cấp 

PHỤ LỤC 1
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TẬP HUẤN, DIỄN TẬP

Nâng cao kỹ năng ứng phó sự cố tràn dầu

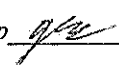
1. Thời gian dự kiến:

- Tập huấn 01 ngày.
- Thời gian: từ 7h30 đến 16h30
- Địa điểm: văn phòng Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM hoặc Địa điểm mở lớp đào tạo tập huấn do Nhà cung cấp tổ chức.

2. Nội dung chương trình dự kiến:

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
7:30-8:00	▪ Đăng ký đại biểu	Nhà cung cấp
8:00-8:10	▪ Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và nội dung chương trình	Nhà cung cấp
8:10-8:20	▪ Phát biểu khai mạc	Calofic
8:20-9:00	▪ Phổ biến các quy định của pháp luật về quy trình thông báo, báo động, phối hợp lực lượng, chỉ huy hiện trường ứng phó sự cố tràn dầu ▪ Quy định về xử phạt trong ứng phó sự cố tràn dầu; ▪ Quy trình về thủ tục điều tra, xác minh sự cố và thủ tục bồi thường	Nhà cung cấp
9:00-9:45	▪ Giới thiệu về công dụng, tính năng của các loại trang thiết bị phục vụ ứng phó sự cố tràn dầu; hướng dẫn cách tháo lắp, vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu.	Nhà cung cấp
9:45-10:15	▪ Các phương pháp khống chế sự cố tràn dầu, lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện từng cơ sở, hoạt động kiểm soát sự cố, các giải pháp kỹ thuật để làm sạch dầu tràn ▪ Quản lý chất thải nhiễm dầu	Nhà cung cấp
10:15-10:30	▪ <i>Nghỉ giải lao</i>	
10:30-11:00	▪ Hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu	Nhà cung cấp
11:00-11:30	▪ Làm bài nghiệm thu	Calofic

Calofic 

Nhà cung cấp 

11:30-13:30	▪ <i>Nghỉ trưa</i>	
13:30-14:00	▪ Tập hợp điểm danh học viên	Nhà cung cấp
14:00-15:30	▪ Thực hành tình huống cụ thể trên bờ, triển khai các biện pháp ứng phó sự cố tràn dầu	Nhà cung cấp
15:30-16:00	▪ Hướng dẫn phân loại, lưu giữ chất thải nhiễm dầu	Nhà cung cấp
16:00-16:30	▪ Bế mạc lớp học	

3. Cấp giấy chứng nhận:

Học viên sẽ được cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ ứng phó sự cố tràn dầu nếu tham gia đủ thời lượng lớp học (lý thuyết + thực hành)

4. Công tác chuẩn bị:

a) Nhà cung cấp

TT	NỘI DUNG	ĐVT
1	▪ Tài liệu đào tạo	Quyển
2	▪ Bút Laze	Chiếc
3	▪ Bột thấm dầu	Bao
4	▪ Lựa chọn và lập kịch bản diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu	

b) Calofic

TT	NỘI DUNG	ĐVT	GHI CHÚ
1	▪ Hội trường	Phòng	Trường hợp địa điểm đào tạo tại văn phòng Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM
2	▪ Máy chiếu	Chiếc	
3	▪ Loa + mic	Bộ	
4	▪ Nước uống	-	
5	▪ Các vật tư khác	-	

5. Tình huống diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu:

a- Lần 1: Diễn tập nội bộ

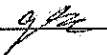
Tình huống giả định: Tràn dầu do bục đường ống dẫn dầu từ cầu cảng vào bồn chứa dầu.

Lượng dầu tràn ước lượng 2m³

b- Lần 2: Diễn tập cùng cơ quan chức năng

Tình huống giả định: Tràn dầu do sự cố va chạm tàu tại cầu cảng

Calofic 

Nhà cung cấp 

PHỤ LỤC 2:

PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ MỤC ĐÍCH CỦA PHƯƠNG ÁN

1.1 Cơ sở lập phương án

Bộ luật Hàng hải số 95/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25/11/2015

Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/6/2015

Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu kèm theo quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/03/2021 của Thủ tướng Chính Phủ

Thực hiện hợp đồng giữa Chi nhánh công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Công trình Hàng hải Việt Nam về ứng trực thông tin và tổ chức ứng phó sự cố tràn dầu cho Cảng Calofic Hiệp Phước.

1.2 Mục đích của phương án

Thực hiện theo các quy định của pháp luật trong phòng ngừa và xử lý sự cố tràn dầu tại các khu vực của nhà máy.

Nhận thức được những nguy cơ cao xảy ra sự cố tràn dầu trong hoạt động vận chuyển kinh doanh của nhà máy.

Nhằm đưa ra các phương án phòng ngừa và xử lý hiệu quả các sự cố tràn dầu trong hoạt động vận chuyển kinh doanh của nhà máy.

Đưa ra phương án phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu hiệu quả giữa cán bộ công nhân viên của Cảng Calofic Hiệp Phước thuộc Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM và Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu Đông Bắc Bộ.

1.3 Phạm vi áp dụng

Phương án phối hợp được áp dụng trên các khu vực của nhà máy, cảng và vùng nước trước cảng thuộc nhà máy.

1.4 Nguyên tắc xử lý tình huống

Tích cực, chủ động phòng ngừa, chỉ huy điều hành thống nhất theo phương án linh hoạt, sáng tạo và quyết đoán.

Phát huy mọi nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, kỹ thuật, kết hợp ứng cứu nhanh, huy động vật tư, phương tiện, lực lượng tại chỗ.

Tùy theo tính chất và quy mô sự cố, Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ và Đại diện Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM cùng lên phương án thực hiện ứng phó sự cố.

II. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

Calofic J. Vu

Nhà cung cấp geg

Đối với hoạt động vận chuyển kinh doanh của Cảng Calofic Hiệp Phước thuộc chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM tiềm ẩn những nguy cơ về tràn dầu. Để đưa ra phương án ứng phó với những sự cố tràn dầu đó đòi hỏi trang thiết bị phải chuyên nghiệp, người chỉ đạo ứng phó sự cố phải có kinh nghiệm và sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các đơn vị trong hoạt động ứng phó, xử lý sự cố. Để chủ động khắc phục các sự cố tràn dầu tại Cảng Calofic Hiệp Phước thuộc Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM, Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ lập phương án chung ứng phó sự cố tràn dầu tại Công ty như sau.

2.1 Phương án thường trực sẵn sàng tại cảng Calofic Hiệp Phước

- Trang thiết bị đặt thường trực tại Cảng Calofic Hiệp Phước

STT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng
1	Phao quây dầu tự nổi (cao 750mm, nổi/chìm 250/400cm)	Mét	100	Sẵn sàng
2	Bồn chứa dầu cơ động triển khai dưới nước (5m ³)	Chiếc	1	Sẵn sàng
3	Phao quây thấm dầu ϕ 20x6m	Chiếc	10	Sẵn sàng
4	Tấm thấm dầu 40cm x 50cm x 0.5cm. 100 tấm/kiện	Kiện	5	Sẵn sàng
5	Chất thân và phân hủy sinh học dầu 10kg/bao	Bao	4	Sẵn sàng
6	Vợt thu hồi	Chiếc	2	Sẵn sàng
7	Túi đựng chất thải nguy hại 80cm x 120cm	Chiếc	50	Sẵn sàng
8	Trang bị bảo hộ chống nhiễm dầu chuyên dụng	Bộ	8	Sẵn sàng
9	Dây kéo phao	Bộ	2	Sẵn sàng

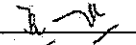
2.2 Phương án thường trực sẵn sàng tại Trung tâm Ứng phó sự cố Tràn dầu Đông Bắc Bộ -

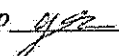
Chi nhánh Hồ Chí Minh:

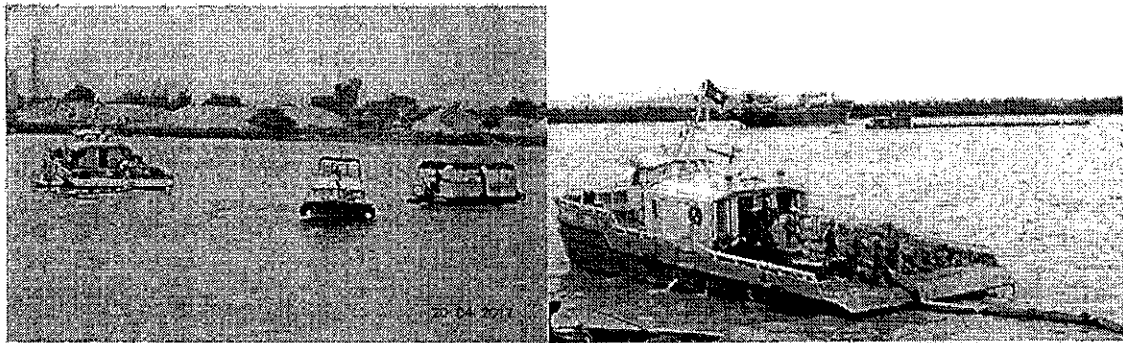
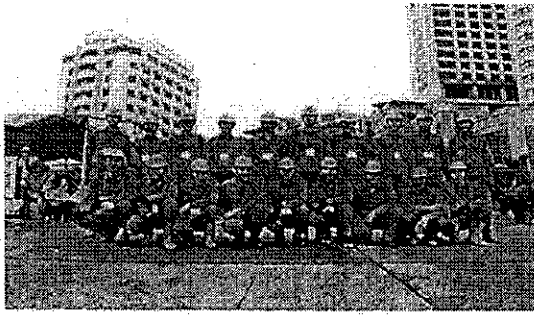
Vị trí thường trực: Trung tâm UPSCTD Đông Bắc Bộ - Chi nhánh Hồ Chí Minh số 33 đường Đào Trí, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh với đầy đủ trang thiết bị và nhân lực như sau

- Về nhân lực: Trạm luôn có sẵn 19 nhân viên, đã qua huấn luyện về kỹ năng ứng phó sự cố tràn dầu
- Trang thiết bị sẵn sàng sử dụng tại trạm:

STT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
-----	----------	--------	----------	------------	---------

Calofic 

Nhà cung cấp 

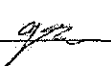


2.3 Phương án thường trực sẵn sàng tại Trạm Cảng Biển Đông

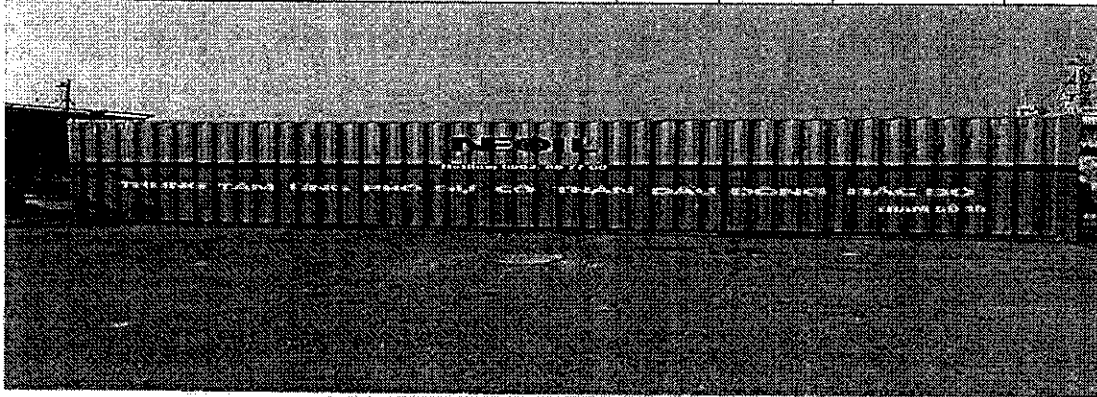
- Về nhân lực: trạm luôn có sẵn 06 nhân viên, đã qua huấn luyện về kỹ năng ứng phó sự cố tràn dầu.
- Trang thiết bị sẵn sàng sử dụng tại trạm:

STT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
1	Phao quây dầu cố định Model: NEOIL 750	Mét	420	Sẵn sàng	
2	Bồn chứa dầu cơ động triển khai trên bờ LT5. Sức chứa 5m ³	Cái	02	Sẵn sàng	
3	Bơm hút dầu tràn E5 Công suất hút 15m ³ /h	Bộ	02	Sẵn sàng	
4	Vải lọc dầu 1,5m x 5mm Xuất xứ Việt Nam	Cuộn	04	Sẵn sàng	

Calofic 

Nhà cung cấp 


5	Cuộn thấm dầu OR8050	Cuộn	07	Sẵn sàng	
6	Tấm thấm dầu OPA5	Kiện	93	Sẵn sàng	
7	Phao quây thấm dầu OS20060	Cái	142	Sẵn sàng	
8	Xơ bông thấm dầu CS2	Kiện	37	Sẵn sàng	
9	Chất thấm và phân hủy sinh học dầu Remediator	Bao	41	Sẵn sàng	
10	Bộ ứng phó sự cố tràn dầu W240- O <ul style="list-style-type: none"> ▪ 50 tấm thấm dầu khổ 38cm x 46cm x 4mm ▪ 2 phao quây thấm dầu 7.6cm x dài 1.2m ▪ 1 phao quây thấm dầu 12.7cm x 3m ▪ 8 gói thấm dầu ▪ 1 thùng chứa có bánh xe màu cam (240l) ▪ 1 bộ gầu xúc và chổi ▪ 2 bộ bảo hộ chống nhiễm dầu ▪ 10 chiếc bao đựng chất thải 1 hướng dẫn sử dụng Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	11	Sẵn sàng	



2.4 Phương án thường trực sẵn sàng tại Trạm Hiệp Phước:

- Về nhân lực: trạm luôn có sẵn 06 nhân viên, đã qua huấn luyện về kỹ năng ứng phó sự cố tràn dầu

Calofic 

Nhà cung cấp 

- Trang thiết bị sẵn sàng sử dụng tại trạm:

STT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
1	Phao quây dầu chuyên dụng 750	Mét	580	Sẵn sàng	
2	Tấm thấm dầu	Kiện	62	Sẵn sàng	
3	Phao quây thấm dầu	Cái	76	Sẵn sàng	

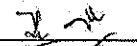


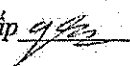
2.5 Trách nhiệm của Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM

- Thực hiện Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu kèm theo quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ.
- Thực hiện Quyết định số 133/2020/QĐ – TTg ngày 17/01/2020 của thủ tướng chính phủ về Ban hành kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu.
- Theo đó Chi nhánh công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM sẽ tổ chức thực hiện.
 - + Lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.
 - + Thành lập ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu và đội ứng phó sự cố tràn dầu.
 - + Định kỳ hàng năm tổ chức tập huấn nghiệp vụ ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức diễn tập tại hiện trường.
- Việc tổ chức lớp tập huấn, đào tạo nghiệp vụ và diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu cho các cán bộ công nhân viên trong đội ứng phó sự cố tràn dầu của công ty nhằm mục đích nâng cao năng lực ứng phó sự cố tràn dầu đồng thời thực hiện theo các quy định hiện hành.

2.6 Lập phương án triển khai ứng phó sự cố

Do đặc thù là đơn vị nhập hàng từ cầu cảng nên sự cố tràn dầu có thể xảy ra cả trên cạn và dưới nước. Để triển khai ứng phó các sự cố tràn dầu tại cơ sở Trung tâm UPSCTD Đông Bắc Bộ sẽ tiến hành bằng hai phương tiện chính là sử dụng ô tô trên bộ vận chuyển các thiết bị và đường thủy sử dụng ca nô. Nhanh nhất có thể việc quây ngăn không cho vệt dầu loang rộng đóng vai trò rất quan trọng, nó góp phần đánh giá quá trình ứng phó sau đó dễ dàng hay phức tạp, nhanh hay lâu. Để thực hiện công việc quây chặn dầu thì phao quây dầu và phương tiện thủy là yêu cầu bắt buộc.

Calofic 

Nhà cung cấp 

Do địa hình của cơ sở có bờ đường sông nằm ngay tại khúc rẽ nên khi xảy ra sự cố tràn dầu sẽ rất khó khăn cho việc quây chặn ngăn ngừa dầu phát tán trên mặt nước. Việc huy động nhân lực cùng các trang thiết bị cũng gặp không ít khó khăn do phải đi chuyên xa. Qua khảo sát nắm tình hình chúng tôi đã đưa ra những phương án tối ưu nhằm khắc phục những khó khăn gặp phải do địa hình để công tác bảo vệ môi trường đạt được hiệu quả cao nhất. phương án được đưa ra là đặt trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu trên cảng Calofic Hiệp Phước: Việc bố trí trang thiết bị tại cảng Calofic Hiệp Phước là phương án tối ưu nhất, đảm bảo được tính sẵn sàng chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả của việc ngăn ngừa ô nhiễm từ những sự cố tràn dầu.

2.7 Quy trình triển khai ứng phó sự cố

Quy trình triển khai ứng phó sự cố tràn dầu gồm các bước sau:

Bước 1: Người phát hiện sự cố tràn dầu hô hoán báo động và thông báo cho chỉ huy.

Bước 2: Kiểm tra tính xác thực của thông tin về sự cố, thông báo sự cố tràn dầu:

- Đánh giá tính xác thực của thông tin về sự cố.
- Đánh giá mức độ của sự cố tràn dầu.
- Thông báo thông tin sự cố.
- Báo cáo ban đầu sự cố tràn dầu.

Bước 3: Tổ chức triển khai ứng phó sự cố tràn dầu và báo cáo về quá trình xử lý sự cố tràn dầu:

- Đội ứng phó sự cố tràn dầu của Calofic Hiệp Phước triển khai ứng phó sự cố.
- Lực lượng ứng phó từ trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ triển khai ứng phó sự cố.

Bước 4: Thu dọn hiện trường sau khi xử lý sự cố tràn dầu và báo cáo kết thúc sự cố tràn dầu.

Thu dọn hiện trường:

- Xử lý chất thu gom sau sự cố theo quy định.
- Báo cáo kết thúc sự cố.

Bước 5: Đánh giá thiệt hại sau sự cố, tính toán chi phí xử lý

Bước 6: Báo cáo tổng hợp sự cố tràn dầu

III. QUY TRÌNH PHỐI HỢP THỰC HIỆN ỨNG PHÓ SỰ CỐ

Khi nhận được thông tin xảy ra sự cố tràn dầu từ cảng Calofic Hiệp Phước

Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ tổ chức thực hiện như sau

Bước 1: Ghi nhận đầy đủ thông tin về sự cố, tổng hợp các thông tin nhằm xác định tính chất, quy mô của sự cố để đưa ra phương án ứng phó phù hợp.

Bước 2: Kiểm tra tính xác thực của thông tin về sự cố, thông báo sự cố tràn dầu. Sơ bộ đánh giá tính chất, phạm vi, mức độ và hậu quả có thể của sự cố tràn dầu:

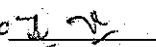
Calofic *[Signature]*

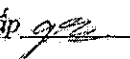
Nhà cung cấp *[Signature]*

- Triển khai trang thiết bị ứng phó chuyên dụng, lập phương án, biện pháp ứng phó khẩn cấp với tình huống.
- Thông báo kịp thời cho:
 - + Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ:
 - + **Hotline: 096.2667.700**
 - + Đại diện chi nhánh HCM: Mr. Hoàng Duy Đàn – 0906.608.997.
 - + Cảng vụ hàng hải Tp. HCM
 - + Cơ quan quản lý Nhà nước có chức năng.
 - + Chính quyền địa phương.
 - + Các đầu mối tiếp nhận thông tin khác.
- Báo cáo về sự cố tràn dầu Tp. HCM; UBND cấp huyện và cơ quan liên quan.
- Báo cáo ban đầu sự cố tràn dầu: Thực hiện khi phát hiện về sự cố tràn dầu.

Bước 3: Triển khai ứng phó sự cố tràn dầu

- Đội ứng phó sự cố tràn dầu của Calofic Hiệp Phước:
 - + Khi có sự cố tràn dầu, lực lượng ứng phó sự cố tràn dầu của Calofic Hiệp Phước nhanh chóng triển khai phương án ứng phó.
 - + Thực hiện di chuyển toàn bộ thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu chuyên dụng tới vị trí sự cố tràn dầu.
 - + Thực hiện ứng phó theo nội dung tập huấn nghiệp vụ ứng phó sự cố tràn dầu.
 - + Phối hợp cùng lực lượng ứng phó chuyên nghiệp của trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ để ứng phó sự cố.
- Lực lượng ứng phó từ trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ.
 - + Phối hợp các đơn vị liên quan cùng tham gia công tác ứng phó.
 - + Tổ chức các biện pháp vây phao để ngăn dầu loang, đồng thời thực hiện công tác bơm hút dầu, xử lý dầu loang. Công tác này được thực hiện bởi các đơn vị chuyên môn bởi trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ.
 - + Giám sát công tác bơm hút chuyên nhượng dầu còn lại trong phương tiện gặp sự cố sang phương tiện chứa khác nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình ứng phó. Trong quá trình chuyển dầu sang phải triển khai các biện pháp để ngăn ngừa dầu tràn ra ngoài.
 - + Tổ chức lực lượng trực tại hiện trường ứng phó liên tục cho đến khi hoàn thành công tác ứng phó.
 - + Giám sát hoạt động và hao phí cần thiết của các đơn vị tham gia ứng phó sự cố
 - + Lập biên bản sự cố với chủ phương tiện và các bên liên quan.
 - + Báo cáo liên tục công tác ứng phó về ban chỉ huy công tác ứng phó, Sở Tài Nguyên và Môi trường và Ủy ban Nhân dân Thành phố.

Calofic 

Nhà cung cấp 

- + Có phương án bổ xung các vật tư trang thiết bị ứng phó sự cố tràn tùy theo diễn biến, quy mô của từng sự cố cụ thể.
- + Bố trí phương tiện, thiết bị ứng phó.
- Với sự cố tràn dầu dưới 20 tấn: Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ sẽ điều động nhân lực, tàu và cano từ trung tâm tới và sử dụng trang thiết bị đặt tại cảng Calofic Hiệp Phước và trạm Hiệp Phước để tham gia ứng phó.
- Với sự cố tràn dầu trên 20 tấn: Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ sẽ điều động nhân lực, tàu và cano từ trung tâm tới và sử dụng trang thiết bị đặt tại cảng Calofic Hiệp Phước và trạm Hiệp Phước để tham gia ứng phó bước đầu, ngoài ra huy động thêm trang thiết bị tại trạm cảng Biển Đông, thiết bị tại trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ để phối hợp ứng phó sự cố.
- Thời gian triển khai ứng phó:
 - + Với sự cố tràn dầu nhỏ hơn 20 tấn, thực hiện quây ngăn dầu trong thời gian 1 giờ.
 - + Với sự cố tràn dầu trên 20 tấn đến dưới 100 tấn thực hiện quây chặn dầu trong thời gian 12h.
 - + Với sự cố tràn dầu trên 100 tấn thực hiện quây chặn trong thời gian 24 giờ.
 - + Tổ chức ứng phó với phương châm nhanh gọn, tiết kiệm chi phí. Ưu tiên sử dụng các máy móc chuyên dụng trước khi sử dụng các vật tư tiêu hao không thể tái sử dụng.

Bước 4: Thu dọn hiện trường sau khi xử lý sự cố tràn dầu và báo cáo kết thúc sự cố tràn dầu


- Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ phối hợp cùng lực lượng ứng phó của Calofic Hiệp Phước sử dụng các thiết bị chuyên dụng để thu gom lượng dầu tràn vãi, sử dụng máy bơm cao áp rửa đường bờ nếu có dầu, sử dụng tấm thấm dầu và các vật liệu thấm hút khác để thu gom lượng váng dầu còn lại của sự cố tràn dầu.
- Toàn bộ lượng rác thải nhiễm dầu sau thu gom sẽ được trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ bàn giao cho Calofic Hiệp Phước phân loại lưu trữ hoặc bàn giao cho đơn vị xử lý rác thải chuyên nghiệp vận chuyển xử lý.
- Calofic Hiệp Phước lập biên bản hiện trường, thông báo kết thúc ứng phó sự cố tràn dầu tới cơ quan quản lý nhà nước.

Bước 5: Đánh giá thiệt hại sau sự cố, tính toán chi phí xử lý

Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ phối hợp với Calofic Hiệp Phước và các cơ quan chuyên môn khác tổ chức tiến hành công tác đánh giá tác động môi trường do sự cố gây ra, điều tra thống kê thiệt hại kinh tế và công tác xử lý làm sạch môi trường sau sự cố.

Bước 6: Báo cáo tổng hợp sự cố tràn dầu

Calofic 

Nhà cung cấp 

Tham gia họp với các bên liên quan xem xét chi phí xử lý sự cố. Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ phối hợp cùng Calofic Hiệp Phước tổng hợp lập báo cáo sự cố tràn dầu.

IV. PHƯƠNG ÁN QUÂY PHAO XỬ LÝ SỰ CỐ TRÀN DẦU

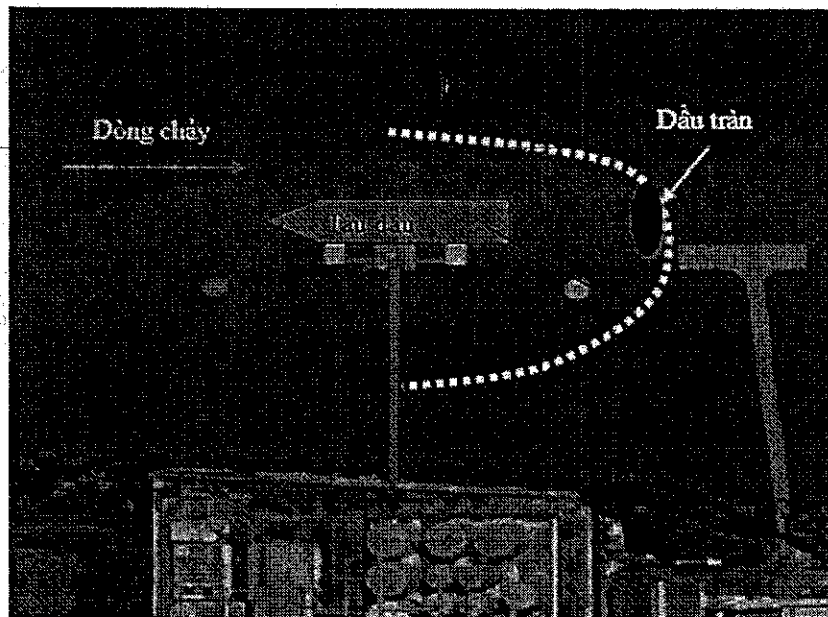
4.1 Nguy cơ tiềm ẩn sự cố tràn dầu tại cảng Calofic Hiệp Phước

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn tới sự cố tràn dầu tại cảng Calofic Hiệp Phước như:

- Sự cố va chạm tàu với cầu cảng gây thủng vỏ tàu, chìm tàu.
- Sự cố va chạm giữa tàu thuyền lưu thông trên luồng và chạm tới tàu đang trả hàng tại cảng Calofic Hiệp Phước.
- Sự cố cháy nổ tàu khi đang trả hàng tại cầu cảng Calofic Hiệp Phước.
- Dầu tràn từ khu vực khác trôi dạt tới cảng Calofic Hiệp Phước.
- Bục, vỡ đường ống nhận dầu.

4.2 Phương án quây phao tại cảng Calofic Hiệp Phước

Phương án quây phao tại cảng Calofic Hiệp Phước sẽ được quây theo hình chữ U



Giai đoạn 1: Quây phao theo dòng chảy thủy triều

Calofic *[Signature]*

Nhà cung cấp *[Signature]*

V. **KẾT LUẬN**

Phương án “phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu” là cần thiết, phương án đã đưa ra quá trình tổ chức, phối hợp giữa trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ và chi nhánh công ty Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM. Đồng thời phương án cũng chỉ ra tính chuyên nghiệp của trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu Đông Bắc Bộ. Với phương án mà chúng tôi đưa ra, chúng tôi đảm bảo sẽ giảm được tối đa những thiệt hại do sự cố tràn dầu đem lại, giảm thiểu tối đa thiệt hại về người và của, đảm bảo an ninh trật tự, giảm thiệt hại kinh tế, xã hội và môi trường.

Calofic I W

Nhà cung cấp g